CHỦ ĐỀ: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

ĐỀ LUYỆN SỐ 1

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHA CON TƯƠNG TÀN *

(Trích tuồng "Tam nữ đồ")

DINH KIM HÙNG

QUÂN: (Dạ... Dạ!) Rất kinh hoàng

Vội bẩm quan.

Nhân đêm nay vừa lúc canh ba

Khắc Minh đã trốn ra khỏi ngục.

KIM HÙNG: Truyền quân nhân gấp rút

Nối đèn đuốc sáng ngoài

Mau đón khắp mọi nơi

Quyết chẳng cho thoát chạy.

(Kim Hùng tiến binh bị ông Tạ xuất kỳ bất ý từ trong bụi nhảy ra đánh phủ đầu. Kim Hùng chỉ còn biết đỡ đòn, nhưng không biết ai đánh).

QUÂN: (Dạ! Dấu thiết giản) [1]

KIM HÙNG: (Dấu thiết giản à! Ai đó? Chỉ có ông già tao có mà thôi)

Hay cha già ỷ sức dọc ngang,

Khiến con trẻ khôn phương chống chế...?

(Mà ta lại sợ gì)

Một hùm dầu mạnh mẽ,

Bẩy cáo khá trở đương,

Truyền chúng tướng thẳng đường,

Chỉ Hồng Sơn vội vã.

(hạ)

CẢNH CĂN CỨ HỒNG SƠN

HOÀNG TỬ: Tác bé thơ trong cảnh lạc loài,

(Nhờ các quan)

Lòng lo liệu chung tay dìu dắt

Cũng vì lũ tôi luan con giặc,

Đành số ng nơi góc núi đầu non,

(Vậy, nhờ các quan) Làm sao cho đã mất lại còn

Lẽ cùng có hết quy rồi thịnh.

QUÂN: Dạ!

Chúng tôi theo lịnh,

Dò xét rõ ràng,

Binh Kim Hùng đóng khắp Hồng Sơn,

Xin Điện hạ sai người cự địch.

TƯ CUNG KHƯƠNG HOÀN:

Cam thay loài phản nghịch,

Còn lung thói bạo tàn.

Dưới trướng xin một lệnh truyền ban,

Ngoài núi để hai tôi ra trận.

KHẮC MINH:

Hàng máu nóng, trẻ toan rửa hận,

Gắng sức tàn, già quyết trừ gian.

Cho lão phu ra chốn chiến trường,

Trừ tặc bối an lòng điện hạ.

LÃO TẠ: (Nay quân về thưa rằng binh thằng Kim Hùng vây Hồng Sơn, các quan xin ra đánh cùng nó, lão nghĩ như việc ấy là).

Trẻ già đều gan dạ,

Mạnh yếu xét sức mình.

Xin cho già vào chốn địch dinh,

Quyết dùng chước giết loài tặc bối.

KHẮC MINH:

(Chẳng hay người liệu kế gì?)

LÃO TẠ: (Lão xuống dò đâu đó xong xuôi, rồi lão sẽ thừa cơ đốt dinh trung gây rối)

Cố sức ngăn giặc trẻ bí đường.

TỰ CUNG, KHƯƠNG HOÀN: (Vậy giết được giặc nhưng ngài làm sao mà sống)

LÃO TẠ: (Sống sao được?)

Trong lửa hồng cha con lão thiêu xương,

(Thời)

HOÀNG TỬ: Nghe mấy lời cặn kẽ,

Xui tấc dạ thương đau.

Để muốn đẩy, nghiệp vững ngôi cao,

Nỡ xui đó, thân tàn cốt rụi?

LÃO TẠ: Bởi vô phúc sanh loài tặc bối,

Phải ra công chuộc tội lão phu.

Miễn đem về nghiệp cũ nghìn thu,

Nào xá kể xương tàn một nắm.

PHƯƠNG CƠ:

Lời trung nghĩa chứa chan dòng máu thắm,

Nỗi hiếu tình đau xót tấm lòng riêng.

Theo nghiêm phụ địch cùng huynh trưởng.

Cho ấu nhi [(2)] ra chốn trận tiền,

LÃO TẠ:

Nghe lời con rất chướng,

Xui lòng lão chẳng ưng.

(Trông thế mày tưởng tao)

Mãi sống lâu trăm tuổi không chừng,

(Nên chỉ mày)

Học nói bậy đôi điều cho tốt.

(Bẩm Điện hạ! Lão còn lại một chút nầy)

Trái một gốc khác mùi đắng ngọt,

(Nó cũng khá, nên chi lão)

Phải đôi lời gởi chút thơ ngây.

(Như nó lâu nay)

Vì non sông chung đóng góp tay,

(Chớ lão đây)

Dù sống thác quyết toàn tấc dạ,

HOÀNG TỬ:

Sự cực cùng chẳng đã,

Còn chi nữa mà mong.

Một lạy dưa, lòng khó cắt lòng,

Ba chung rót, bước khôn chia bước.

(Xướng): Đành e thân già lo việc nước

LÃO TẠ: (Xướng): Quyết vì nghiệp cả diệt loài gian.

PHƯƠNG CƠ: (Xướng): Tình sâu chia cắt trong giây phút,

MỌI NGƯỜI (Xướng): Già trẻ nhìn nhau lệ chứa chan.

HOÀNG TỬ: (Nam): Lệ chứa chan đôi đàng ly biệt,

Gẫm sự tình chi xiết người than

LÃO TẠ: (Nam): Thà cam liều một thân tàn,

Thịt xương xây đắp giang san muôn đời.

KHẮC MINH, HOÀNG TỬ, TƯ CUNG:

(Nam): Nghìn năm dù vắng bóng người, Khí xây sông núi, tiết đời trăng sao.

PHƯƠNG CƠ: (Nam): Nỗi niềm càng nghĩ càng đau,

Thà rằng tử biệt nỡ nào sinh ly.

HOÀNG TỬ: (Nam): Nhìn nhau đôi giọt lệ đầy,

PHƯƠNG CƠ: (Nam): (Tội lắm cha ôi!)

Tình kia đành đoạn!...

LÃO TẠ: (Nam): (Á thôi) Phút này chia tay

(Hạ)

DINH KIM HÙNG

QUÂN: Có một người già cả đến đây,

Xưng thân phụ đại quan vào viếng.

KIM HÙNG:

Nghe qua câu chuyện,

Thật rất hổ nghi.

Ông nào đã chết đi,

Ông nào còn sống đó?

Cự tuyệt thời cũng khó,

Hỏi han lại sẽ hay.

Truyền với quân bay,

Mời ngay ông nọ.

(Chào ông!)

Cách mặt lâu cũng nhớ, (Té ra!...)

Coi bộ khỏe như thường

(he! Tôi hỏi lâu nay)

Ông ở đâu, mau khá tỏ tường,

Rày tới đó, việc gì nói thử?

LÃO TẠ:

Phương Cơ đã bỏ đi mất xứ,

Lão phu nay trơ trọi một thân.

Riêng xét mình quá nỗi cơ bần [3]

Tìm tới cửa, nhờ hơi phú quý.

Mừng ông đặng làm tôi Triệu thị,

Thật trông lên đúng bậc oai quyền.

(Lão đây)

Tác tuy già, sức hãy còn hăng,

Việc sai khiến, lão xin cố gắng

KIM HÙNG:

Nhắc chuyện cũ, càng thêm hổ thẹn,

Nghĩ tình xưa cũng phải phôi pha.

Ông đã đành làm trảo làm nha [4]

Việc cần phải hết lòng hết dạ, (nghe!)

(Hạ hết, lão Tạ ra).

LÃO TẠ:

Gây tội ác, con đà thái quá,

Đoạn nhân tình cha khó nhiêu dụng (Lão bây giờ)

Vẹn niềm ngay vì nước hết lòng,

Nhân đêm vắng ra tay nổi lửa.

(Âu là) (Phóng hỏa)

KIM HÙNG:

Ngọn lửa lên rất dữ,

Thế nước cứu khôn qua.

Cả tiếng kia kìa hỡi cha già.

Mau giúp sức cứu cho con trẻ.

LÃO TẠ: (Như mày) Tày trời đất, tội khôn xiết kể,

(Nói thiệt) Cắt ruột già, tao quyết chẳng tha.

Chói lòng son coi nhẹ thân già,

Mượn ngọn lửa diệt trừ giặc trẻ.

(Cha con đánh nhau, cùng chết trong lửa. Lão Tạ còn cố gượng dậy nhìn lại mặt Kim Hùng và vuốt mắt cho nó).

HẾT

(Trích *Tổng tập văn học Việt Nam tập 11*, Chủ biên Hoàng Châu Ký, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

Chú thích:

Tóm tắt vở tuồng: Nguyên vương già yếu, Bà Chánh cung đương có thai. Tên Thái sư Triệu Văn Hoán có âm mưu tiếm ngôi vua. Con trai cả của hắn là Bích Long hùa theo cha, còn con trai thứ là Tư Cung chống lại, bỏ đi tu.

Trên đường tìm đến chùa Trúc Tự, Tư Cung gặp ông già Tạ Ngọc Lân. Hai người hiểu lòng nhau, hẹn cùng nhau giúp nước khi giang sơn biến loạn. Tạ Ngọc Lân vốn là một huân thần nhưng chống đối với Triệu Văn Hoán nên đã từ quan về cày ruộng. Ông có hai con, con gái là Phương Cơ hiếu trung, hết lòng vì đại nghĩa,

nhưng thằng con trai lớn là Kim Hùng ngỗ nghịch, hung bạo, phản trắc và bỏ nhà chạy theo tôn phò Triệu Văn Hoán.

Vua băng, Triệu Văn Hoan định tiếm ngôi vì chưa có người kế vị, nhưng lão thần Lý Khắc Minh đã tuyên di chiếu của Nguyên vương, trao quyền cho Chánh cung nhiếp chính. Văn Hoán rất ức, bèn cùng Kim Hùng lập mưu vu oan cho bà Chánh hậu là quan hệ bí mật với một người đàn ông và đồng mưu để người ấy cướp ngôi. Thế là bà Chánh cung bị phế truất và hạ ngục. Văn Hoán tiếm ngôi.

Lý Khắc Minh lập kế lãnh tù Chánh cung về dinh mình để giam và tra hỏi kẻ đồng mưu rồi sẽ giết sau. Đưa được bà nầy về dinh rồi, nhưng Khắc Minh lo nghĩ không biết làm sao để cứu sống bà ta. Con gái ông là Xuân Hương rồi tỳ nữ là Bích Hà đều tình nguyện xin vào ngục đổi xiêm y để chết thay cho Chánh cung. Cuối cùng Bích Hà được làm việc này và Xuân Hương phải lãnh nhiệm vụ đưa bà Chánh cung đi lánh nạn.

Phương Cơ vâng lệnh cha, giả điên dại đến Kinh đô do thám tình hình và quay về báo với cha là Văn Hoán sắp giết Chánh cung. Ông Tạ Ngọc Lân đến chùa báo với Tư Cung rồi hai người lập tức ra đi, Tư Cung nói: “Thế nầy là chốn an thiềm dậy lửa trần ai!”

Giữa đêm, Kim Hùng hiệp đồng với Khắc Minh đưa Chánh cung đi nịch sát. Giữa đường bị một tráng sĩ xông vào đánh cướp tù nhân. Khắc Minh xin đi tiên phong đuổi bắt kẻ địch, ông bị thương nằm lại. Kim Hùng kéo quân đến thấy lão tướng bị thương phải dừng lại hỏi han và điều người khiêng Khắc Minh về lo điều trị. Khắc Minh làm việc này nhằm làm cho người cướp Chánh cung chạy thoát; ông chưa biết được người đó là Tư Cung. Kim Hùng vừa kéo quân đuổi tiếp thì thình lình gặp một người che mặt từ trong bụi nhảy ra đánh cho tối tăm mặt mày và phải rút quân. Người che mặt đó chính là ông Tạ Ngọc Lân.

Tư Cung và ông Ngọc Lân mừng là đã cứu được Chánh cung, hóa ra đó là Bích Hà.

Phương Cơ trở lên kinh sư và về báo với cha là mưu cơ của Khắc Minh đã bị bại lộ, nên Kim Hùng đã hạ ngục vị lão tướng và kéo quân đi vây bắt Chánh cung và Xuân Hương. Tình thế nguy cấp. Tư Cung và Bích Hà vội vã đi giải cứu Chánh cung. Phương Cơ lại lên Kinh đô, lập kế vào dinh Kim Hùng và cứu được Khắc Minh

Những người trung thành qua bao gian nguy, đã tụ tập đông đủ ở Hồng Sơn. Hoàng tử, con Chánh cung đã khôn lớn. Kim Hùng mang đại binh đến vây đánh Hồng Sơn. Không ai chống cự nổi tên hổ tướng tàn bạo này. Ông già Tạ Ngọc Lân

xin ra đi, lập kế vào dinh để giết Kim Hùng. Ông nói: “Trong lửa hồng cha con lão có thiêu xương - Ngoài trời thẩm nước non nhà mới rạng vẻ”.

Mọi người làm lễ tế sống tiễn ông đi.

Khi doanh trại chảy, Kim Hùng chạy ra, bị ông Lân chặn lại. Nó đánh và bóp cổ ông, ông dùng thế võ kìm nó lại. Hai cha con cùng chết trong ngọn lửa rực hồng. Ông Lân cố gượng dậy phút cuối cùng để nhìn mặt đứa con và vuốt mắt cho nó.

Diệt được Kim Hùng, phe trung thần thừa thắng tiến về Kinh đô giết loài gian nịnh và phục quốc.

*** Tên đoạn trích do người soạn đề - Cô Quỳnh Anh đặt**: Nằm ở phần cuối vở tuồng (Tại Dinh Kim Hùng), Ông Lân (Tạ Lân) diệt được Kim Hùng (con trai mình), hai cha con chết trong ngọn lửa. Ông Lân cố gượng dậy phút cuối để nhìn mặt con và vuốt mắt cho con

(1) Thiết giản: roi sắt, một loại vũ khí bằng sắt như gươm, nhưng không sắt nhọn, dùng để đập

(2) Ấu nhi: Con nhỏ

(3) Cơ bần: Đói nghèo

(4) Trảo nha: Vuốt và nanh

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

A. Chèo cổ

B. Chèo bác học

C. Tuồng đồ

D. Tuồng pho

Câu 2. Văn bản kể lại sự việc gì?

A. Cuộc đối thoại và chiến đấu cuối cùng giữa hai cha con Tạ Ngọc Lân và Kim Hùng để tiêu diệt phe phản trắc

B. Sự thất bại của phe chính nghĩa Tạ Ngọc Lân

C. Sự hi sinh của Tạ Ngọc Lân trước con trai mình là kẻ phản trắc Kim Hùng

D. Cái chết của phe phản trắc Kim Hùng trước chính người cha Tạ Ngọc Lân

Câu 3. Câu thoại nào cho thấy được sự phản trắc, bất chấp mọi thứ của Kim Hùng (Lựa chọn NHỮNG đáp án đúng)

A. *Nhắc chuyện cũ, càng thêm hổ thẹn,*

Nghĩ tình xưa cũng phải phôi pha.

Ông đã đành làm trảo làm nha

Việc cần phải hết lòng hết dạ, (nghe!)

B. *Truyền quân nhân gấp rút*

Nối đèn đuốc sáng ngoài

Mau đón khắp mọi nơi

Quyết chẳng cho thoát chạy.

C. *Ngọn lửa lên rất dữ,*

Thế nước cứu khôn qua.

Cả tiếng kia kìa hỡi cha già.

Mau giúp sức cứu cho con trẻ.

D. *Cách mặt lâu cũng nhớ, (Té ra!...)*

Coi bộ khỏe như thường

(he! Tôi hỏi lâu nay)

Ông ở đâu, mau khá tỏ tường,

Rày tới đó, việc gì nói thử?

Câu 4. Lời thoại sau thể hiện phẩm chất nào của ông lão Tạ Ngọc Lân?

LÃO TẠ: (Nam): *Thà cam liều một thân tàn,*

Thịt xương xây đắp giang san muôn đời.

A. Dũng cảm, khí phách, dám hi sinh kể cả tình riêng để bảo toàn sự trung nghĩa

B. Đau đớn xót xa khi phải đưa ra quyết định bảo toàn sự trung nghĩa trước tình thân

C. Mong muốn xây đắp giang sơn muôn đời

D. Cam tâm tình nguyện hi sinh bản thân để bảo vệ cơ đồ non sông

Câu 5. Trước sự ngông cuồng của chính con trai Kim Hùng, lão Tạ (Tạ Ngọc Lân) đã đưa ra kế sách gì để dẹp trừ bạo tàn?

A. Dụ Kim Lân vào vòng vây hãm và đánh úp

B. Quyết tâm ra trận đấu trí với chính con trai

C. Đối mặt và cùng Kim Hùng thiêu cháy để diệt trừ tận gốc quân phản trắc

D. Đem quân nổi loạn đánh thẳng vào Dinh Kim Hùng

Câu 6. Lời thoại của mọi người tại căn cứ Hồng Sơn cho thấy được tình cảm của họ với lão Tạ trước hành động quyết hi sinh của lão như thế nào?

A. Đồng lòng đồng ý để lão Tạ đứng lên trừ gian diệt bạo

B. Quyết thay lão Tạ để diệt Kim Hùng vì không nỡ nhìn lão Tạ giết con trai mình

C. Cảm thương, xót xa, không nỡ để lão ra đi và chấp nhận hi sinh

D. Đồng lòng ủng hộ để lão ra đi

Câu 7. Đoạn trích trên thể hiện rõ được tình cảm cao đẹp thiêng liêng nào?

A. Tình cha con sâu nặng

B. Tình anh em huynh đệ

C. Lòng dũng cảm xả thân vì nghĩa lớn

D. Tinh thần chính nghĩa và đứng về lẽ phải âu sắc sẵn sàng hi sinh cả tình cảm cá nhân

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Liệt kê và phân tích lời thoại của nhân vật Kim Hùng và nhân vật Tạ Lân để thấy được sự đối lập của hai nhân vật này

Câu 9. Chất bi hùng của sự kiện và tinh thần vì chính nghĩa được thể hiện trong đoạn trích trên như thế nào?

Câu 10. Viết đoạn văn khoảng 12 câu bàn luận về tinh thần chính nghĩa và vì lẽ phải trong cuộc sống ngày nay

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc bản tin sau:

Trong vụ cháy chung cư mini tại phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân , có những người hùng thầm lặng đã sẵn sàng lao vào khói lửa để cứu người.

Có mặt tại hiện trường vụ cháy chung cư mini tại Khương Đình (Thanh Xuân, Hà Nội), anh Nguyễn Đăng Văn (30 tuổi, quê Bắc Ninh, làm nghề shipper) mướt mải mồ hôi, mặt đen sạm lại vì khói. Đăng chính là người đã dũng cảm lao vào đám cháy đêm 12/9 để cứu người.

Nhớ lại thời khắc này, anh Văn kể lại, đêm 12/9, khi đang giao hàng ngoài đường thì bất ngờ anh nhận được tin nhắn của anh trai, báo người thân đang bị mắc kẹt tại tòa chung cư mini gặp hỏa hoạn tại Khương Đình.

"Mình đội mũ ngược, đeo khẩu trang, mặc áo bò. Có búa của nhà anh bên cạnh. Mình tìm từ tầng 1 lên tầng trên, búa mình mang theo đập cửa. Soi ngõ ngách, lục tủ quần áo, gầm giường xem có ai còn sống thì mình cho ra", anh Nguyễn Đăng Văn, tỉnh Bắc Ninh, chia sẻ.

Bên cạnh niềm vui vì đã cứu được 9 người, còn đó là nỗi day dứt vì anh không thể cứu cô cháu gái của mình.

(Theo vtv.vn/xa hoi/)

Thực hiện nhiệm vụ:

Từ câu chuyện được chia sẻ trong bản tin trên, em hãy viết bài văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy bàn luận về vấn đề: ***Sự hi sinh thầm lặng của cuộc sống chính là vì nghĩa lớn mà đôi khi chấp nhận sự thiệt thòi cho bản thân mình.***

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

<table>
<tr><th>Phần</th><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6.0</td></tr>
<tr><td></td><td>1</td><td>D</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>2</td><td>A</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>3</td><td>A, B</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>4</td><td>A</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>5</td><td>C</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>6</td><td>C</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>7</td><td>D</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>8</td><td>
<table>
<tr><th></th><th>Kim Hùng</th><th>Tạ Lân</th></tr>
<tr><td>Lời thoại tiêu biểu</td><td>- Nhắc chuyện cũ, càng thêm hổ thẹn,
Nghĩ tình xưa cũng phải phôi pha.
Ông đã đành làm trảo làm nha
Việc cần phải hết lòng hết dạ, (nghe!)

- . Truyền quân nhân gấp rút
Nối đèn đuốc sáng ngoài
Mau đón khắp mọi nơi

- Cách mặt lâu cũng nhớ, (Té</td><td>- Bởi vô phúc sanh loài tặc bối,
Phải ra công chuộc tội lão phu.
Miễn đem về nghiệp cũ nghìn thu,
Nào xá kể xương tàn một nắm.

- Quyết vì nghiệp cả diệt loài gian.

- Tác tuy già, sức hãy còn hăng,
Việc sai khiến, lão xin cố gắng

- Gây tội ác, con đà thái quá,
Đoạn nhân tình</td></tr>
</table>
</td><td>1.0</td></tr>
</table>

			ra!...) Coi bộ khỏe như thường (he! Tôi hỏi lâu nay) Ông ở đâu, mau khá tỏ tường, Rày tới đó, việc gì nói thử?	cha khó nhiêu dụng (Lão bây giờ) - Tày trời đất, tội khôn xiết kể, (Nói thiệt) Cắt ruột già, tao quyết chẳng tha. Chói lòng son coi nhẹ thân già, Mượn ngọn lửa diệt trừ giặc trẻ.	
		Phẩm chất tính cách	- Bất hiếu, ngông cuồng - Phản trắc sẵn sàng đấu với cả cha mình	- Dũng cảm, anh hùng vì nghĩa lớn - Tự nhận bản thân sinh ra kẻ nghịch tử và phải chịu trách nhiệm - Sẵn sàng chấp nhận cái chết (cùng con) để thực hiện lí tưởng lớn vì đất nước	
	9	HS có thể trả lời bằng suy nghĩ và cảm nhận của bản thân - **Chất bi hùng:** Sự kiện diễn ra tại các dinh, căn cứ chiến đấu, sự đối đầu giữa hai phe chính nghĩa và phản trắc trong trận chiến phân thắng bại cuối cùng - **Tinh thần chính nghĩa**: Ông Tạ Lân sẵn sàng hi sinh tình riêng (cha con) để tiêu diệt bạo tàn, mở ra con đường tấn công cho phe chính nghĩa.				0.5
	10	Gợi ý: **1. Định nghĩa**: Lẽ phải là gì? Chính nghĩa là gì? Tinh thần				1.0

		tôn trọng lẽ phải và chính nghĩa là gì? **2. Vai trò của việc tôn trọng lẽ phải**: - Bảo vệ giá trị tốt đẹp và phát triển xã hội. - Đề cao nhân nghĩa, tình người và tính thượng tôn của pháp luật. **3. Ý thức tôn trọng lẽ phải hiện nay:** Tác hại của việc không tôn trọng lẽ phải: - Bất công, phạm pháp, và trái luân thường đạo lý. - Tiến lùi và đổ vỡ xã hội. **4. Làm thế nào để tôn trọng lẽ phải:** - Trau dồi nhận thức và hiểu biết để phân biệt phải - trái, đúng - sai. - Bình tĩnh quan sát và đấu tranh chống lại những điều sai trái.	
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận bàn về một một vấn đề xã hội	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ***Sự hi sinh thầm lặng của cuộc sống chính là vì nghĩa lớn mà đôi khi chấp nhận sự thiệt thòi cho bản thân mình.***	0.5
		c. Triển khai vấn đề HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo cấu trúc bài nghị luận bàn về một vấn đề xã hội *- Sau đây một số gợi ý* **1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống. **2. Thân bài:**	2.5

a. Giải thích

Sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống: những hành động, những con người dũng cảm, sẵn sàng giúp đỡ người khác từ những hành động nhỏ nhất với tình yêu thương chân thành và cũng là những con người luôn có ý thức vươn lên xây dựng một xã hội tốt đẹp. Sự hi sinh dù là nhỏ nhất cũng đáng trân trọng, đáng để tôn vinh, học tập và noi theo**.**

b. Phân tích

- Biểu hiện của sự hi sinh thầm lặng:

+ Sẵn sàng giúp đỡ người khác mà không màng đến bản thân, âm thầm hi sinh, cho đi mà không mong nhận lại.

+ Việc hi sinh thầm lặng là việc con người biết suy nghĩ cho người khác, sống với tình cảm chan hòa, thấu cảm, biết vì người khác, vì lợi ích chung của cộng đồng.

- Ý nghĩa của sự hi sinh thầm lặng:

+ Hi sinh đồng nghĩa với việc có thể bản thân mình sẽ chịu thiệt thòi, nhưng sự hi sinh làm cho cuộc sống này tốt đẹp hơn.

+ Mỗi con người một hành động nhỏ, một ý thức sẽ giúp cho người khác tốt hơn và xã hội này phát triển tích cực hơn.

+ Khi mỗi con người sống có ích và trở thành "người hi sinh thầm lặng" sẽ lan tỏa được nhiều thông điệp tích cực ra xã hội, được mọi người yêu quý, nể phục hơn.

c. Chứng minh

Học sinh lấy dẫn chứng về những người hi sinh thầm lặng giữa đời thường làm minh chứng cho bài làm văn của mình.

d. Phản đề

Trong cuộc sống có những người ích kỉ, sống thờ ơ, vô cảm,

		bàng quang với mọi thứ xung quanh, chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình. Lại có những người dù thấy người khác gặp khó khăn nhưng dửng dưng, làm ngơ,... **3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

ĐỀ LUYỆN SỐ 2

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHÂU LONG GẶP GỠ VÀ GIÚP ĐỠ LƯU BÌNH

(Trích chèo "Lưu Bình Dương Lễ")

LƯU BÌNH:

Thương ơi, Tôi tưởng bạn tôi làm nên danh phận

Rắp đem thân tới bạn mà nhờ

Không ngờ bạn chẳng đoái tình xưa

Thân tôi thế tôi, trách người sao được

Đây đã về đến cây cao bóng mắt

Thấy chữ đề là quán Nghinh Hương Quán mát mẻ, tôi vào chơi tạm trú

Sẵn bút nghiên, tôi đề thơ nhất thủ [1]

Đề bốn câu cho giãi tấm lòng sầu.

Thơ rằng:

Của tuyết, then sương đã bấy lâu

Khó hèn sao nỡ vội quên nhau

Sớm muộn bởi giời duyên với phận

So ra ai đã kém ai đâu.

CHÂU LONG: (Hát sắp)

Vì chàng thiếp phải long đong quan

Những như thân thiếp đã xong một bề

(Nói với Lưu Bình)

Thiếp đứng ngoài nghe trộm đã lâu

Xem thơ ấy bất bình lắm nhẽ

Gặp chàng đây cũng là vắng vẻ

Thiếp tỏ tường thua lại chàng hay

Chắc chàng còn mắc míu chi đây

Chàng nói thực thiếp tôi được biết.

LƯU BÌNH:

Nhọc nhằn nói chẳng ra hơi

Nàng đã hỏi tôi xin nói

Có bạn với Dương công từ thuở hàn vi

Tôi mong tìm đến anh em mà cậy

Một là bận việc quan nên người quên khuấy

Người đắc thì tôi lại thất thì

Hai nữa là phú tác dịch giao

Tôi chờ ba ngày cũng chẳng được vào

Đúng lơ láo không ai chào hỏi

Trục sau thấy chú phòng ra nói

Nói những lời không đánh mà đau

Cho nên trong dạ thảm sầu

Thân Lưu này có muốn sống làm chi nữa.

CHÂU LONG:

Thiếp xin chàng, dùng với giận làm chi

Có thương thiếp xin nghe lời thiếp nói

Vốn thiếp nay con nhà giòng dõi

Đeo hồng nhan luống những cậy mình

Một hai ước hảo cầu cát sĩ

Bac mẹ thiếp tham bên phú quý

Ép thiếp vào một của phú thương

Trái nhân duyên nhiều nỗi dở dang

Trái duyên kiếp ở làm sao được

Thiếp chẳng quản đường trường non nước

Bước chân di đã có nhời nguyền

Hễ gặp chàng nho sĩ kết duyên

Bõ lòng thiếp rày ao mai ước.

Gặp chàng đây đang con lỡ bước

Thiếp xin theo về sửa túi nâng khăn

Giúp cơm áo cho chàng ăn học

LƯU BÌNH:

Quả tôi nay đang con tủi nhục

Mà nàng có lòng thương

Gánh việc tư lương

Giúp công đăng hoa

Nàng là bậc phong lưu phú quí

Đưa nàng đi vất vả sao đành

Xét mình tôi còn muộn khoa danh

Đa mang thế, sợ những công đèn sách.

CHÂU LONG:

Khuyên chàng đứng lên đi

Kẻo đường còn xa lắc

Hành lý này thiếp lĩnh, thiếp mang

Thiếp xin theo về cho đến gia trang

Giúp cơm áo cho chàng ăn học.

CẢ HAI: (Sa lệch) Quán Nghinh Hương kỳ ngộ thiên duyên

Tấm lòng phó mặc hoàng thiên sách bày

Tơ hồng nguyệt lão xe dây...

LƯU BÌNH:

Nay đã về đến quê nhà

Nhà tứ bích, nhất trần như tẩy [(2)]

Khó hèn như thân Lưu đành vậy

Nàng đa mang chi... vất vả sao đành?

Vốn tôi nay còn muộn công danh

Thân lận đận sợ nàng khóc nhọc

CHÂU LONG:

Cũng bởi lửa hương duyên bén

Quản lầm than thiếp đến chi đây

Thiếp khuyên chàng có một lời này

Chàng có nghe thiếp xin vâng nói

Gian nhà này, xin ngăn làm đôi vách

Chàng phòng ngoài, thiếp ở phòng trong

Chàng đêm ngày luyện tập sử văn

Thiếp khuya sớm ra tay kim chỉ

LƯU BÌNH: (Ngồi học, hát nam sử)

Thánh nhân, thiên tử, thánh nhân quân.

Cổ thế từng khen thượng đại nhân

Nghiêu, Thuấn, thuận theo, Nghiêu Thuấn trị

Võ Thang nối nghiệp, Võ Thang văn.

CHÂU LONG (Hát tiếp)

Thiếp khuyên chàng gắng công đèn sách

Nữa một mai nhất cử đăng khoa

Cho bõ công thày mẹ sinh ra

Nhớ đến chữ thánh nhân mới khá.

LƯU BÌNH (Tiếp)

Tam vương đức lớn, tam vương thịnh

Ngũ đế tài cao, ngũ đế xuân

Mùng gặp hội lành đua nết tốt

Thái bình thiên tử thái bình dân.

CHÂU LONG (Hát tiếp) - Đế

Trỗi Thiếp giữ nếp chân dày, tay dệt

Chàng thời ôn kinh thánh, truyện hiền

Sang trống canh ba, nghe chuông đổi thay quyền

Đánh thức dạy, thiếp khuyên chàng sáng nghiệp.

LƯU BÌNH:

Nàng ơi,

Ba năm nay những riêng chăn, riêng gối

Sự giảng hoa anh chẳng dám ngỏ lời

Nàng mở của ra cho anh từ biệt một đôi lời

Trước tiểu đăng khoa sau đại đăng khoa tin

Trước ứng điểm bẻ quế, thăm hoa

Sau bộ thỏa tấm lòng thương nhớ.

CHÂU LONG:

Lời chàng dạy không nghe thì sợ

Ba năm nay ngọc khiết băng thanh

Chẳng bao lâu công toại danh thành

Đã chính thủy xin chính chung cho vẹn

Chàng ra thị thiếp cũng xin theo

Chàng làm nên áo gấm tên treo

Thiếp trở về nói cho bằng lòng cha mẹ.

LƯU BÌNH:

Nàng đã nói thời sửa sang hành lý

Vợ chồng ta cùng trảy vào thi

HAI NGƯỜI: (Hát sa lệch)

Công phu đèn sách chuyên cần

Ra tài quyết chí lập thân hội này

Bảng vàng, thẻ bạc về tay

Bõ công học tập theo thày bấy lâu

Mong sau rạng nếp công hầu...

(Cùng hạ)

(Trích Hà Văn Cầu, *Tuyển tập chèo cổ*, NXB Sân khấu,1999)

Chú thích:

Tóm tắt vở chèo: Xưa có một người tên là Dương Lễ, quê quán ở xứ Sơn Tây, gặp một người tên là Lưu Bình. Hai người đều ham chuộng thơ văn, liền làm bạn với nhau, rồi cùng lên đường về kinh đô theo học. Hai người được thầy tận tình truyền dạy văn chương chữ nghĩa và đạo lý làm người.

Dương Lễ đỗ Trạng nguyên, được làm quan. Trong khi đó, Lưu Bình thi trượt, phải sống lang thang, rồi trở về quê. Cuộc sống khó khăn, lại gặp cảnh loạn lạc, Lưu Bình nghĩ đến người bạn kết nghĩa năm xưa, bèn tìm đến nhà Dương Lễ. Dương Lễ không ra gặp mặt mà sai đày tớ hắt hủi Lưu Bình, bưng ra mời bát cơm nguội cùng quả cà thiu. Lưu Bình thất vọng muốn tìm tới cái chết. Dương Lễ muốn cậy nhờ người vợ ba của mình thay chàng đi nuôi bạn ăn học. Châu Long thấy vậy liền nhận lời để giúp chồng thỏa ý nguyện.

Châu Long từ biệt chồng, một mình nàng cất bước ra đi. Giữa đường, nàng ghé quán Nghinh Hương. Tại đây, nàng gặp Lưu Bình trên đường về quê cũng đang tạm dừng chân. Hai người trò chuyện hồi lâu. Lưu Bình thuật lại đoạn đời gian nan vất vả của mình, còn Châu Long thì kể rằng cha mẹ gả nàng cho một người giàu có, nhưng nàng không chịu nổi cuộc sống ở đó, bèn tự ý bỏ đi. Khi thấy Lưu Bình ngỏ ý muốn quyết chí đèn sách học hành, Châu Long liền ưng thuận theo chàng về quê để nuôi chàng ăn học.

Châu Long mang số tiền Dương Lễ giao cho nàng đem theo để cất lại ngôi nhà và đón thày về dạy học cho Lưu Bình. Còn nàng ở riêng trong một căn phòng nhỏ, ngày đêm đảm đang quán xuyến gia đình, không chút vương vấn nguyệt hoa. Thấm thoắt đã qua ba mùa hoa nở, Châu Long hết lòng chăm lo cho Lưu Bình ăn học mà lòng nàng không lúc nào nguôi nỗi nhớ mong chồng.

Vua ban chiếu mở khoa thi kén Trạng nguyên. Lưu Bình từ biệt Châu Long và thày dạy học để lên kinh đô ứng thí và đỗ ngôi đầu Trạng nguyên. Trong khi đó, ở nơi quê nhà, nàng Châu Long hay tin Lưu Bình đã đỗ Trạng nguyên, nàng liền vui mừng sắp đặt nhà cửa gọn gàng ngăn nắp, gửi gắm xóm giềng để trở về phủ

Dương Lễ. Lưu Bình khi về tới nơi, chẳng thấy Châu Long đâu cả. Chàng lại tìm đến nhà quan Dương Lễ và được Dương Lễ ân cần đón tiếp, hỏi han. Lưu Bình buồn rầu thuật lại chuyện gia đình. Dương Lễ lần lượt cho gọi ba người vợ ra mời rượu Lưu Bình. Khi nhìn thấy Châu Long thì chàng chợt hiểu sự tình.

*** Tên đoạn trích do người soạn đề - Cô Quỳnh Anh đặt**: Nằm ở phần giữa đoạn trích: Giữa đường, nàng ghé quán Nghinh Hương. Tại đây, nàng gặp Lưu Bình trên đường về quê cũng đang tạm dừng chân. Hai người trò chuyện hồi lâu. Lưu Bình thuật lại đoạn đời gian nan vất vả của mình, còn Châu Long thì kể rằng cha mẹ gả nàng cho một người giàu có, nhưng nàng không chịu nổi cuộc sống ở đó, bèn tự ý bỏ đi. Khi thấy Lưu Bình ngỏ ý muốn quyết chí đèn sách học hành, Châu Long liền ưng thuận theo chàng về quê để nuôi chàng ăn học.

(1) Đề thơ một bài

(2) Ý nói nhà quá nghèo, trong nhà bốn bức tường nhãn nhụi như chùi, như rửa

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

A. Chèo cổ (chèo sân đình)

B. Chèo bác học

C. Tuồng đồ

D. Tuồng pho

Câu 2. Văn bản kể lại sự việc gì?

A. Lưu Bình thất vọng muốn tìm tới cái chết. Dương Lễ muốn cậy nhờ người vợ ba của mình thay chàng đi nuôi bạn ăn học. Châu Long thấy vậy liền nhận lời để giúp chồng thỏa ý nguyện.

B. Châu Long từ biệt chồng, một mình nàng cất bước ra đi. Giữa đường, nàng ghé quán Nghinh Hương. Tại đây, nàng gặp Lưu Bình trên đường về quê cũng đang tạm dừng chân. Hai người trò chuyện hồi lâu. Lưu Bình thuật lại đoạn đời gian nan vất vả của mình. Châu Long liền ưng thuận theo chàng về quê để nuôi chàng ăn học.

C. Châu Long mang số tiền Dương Lễ giao cho nàng đem theo để cất lại ngôi nhà và đón thày về dạy học cho Lưu Bình. Còn nàng ở riêng trong

một căn phòng nhỏ, ngày đêm đảm đang quán xuyến gia đình, không chút vương vấn nguyệt hoa

D. Vua ban chiếu mở khoa thi kén Trạng nguyên. Lưu Bình từ biệt Châu Long và thày dạy học để lên kinh đô ứng thí và đỗ ngôi đầu Trạng nguyên. Trong khi đó, ở nơi quê nhà, nàng Châu Long hay tin Lưu Bình đã đỗ Trạng nguyên, nàng liền vui mừng sắp đặt nhà cửa gọn gàng ngăn nắp, gửi gắm xóm giềng để trở về phủ Dương Lễ

Câu 3. Khi kể lại câu chuyện bị Dương Lễ ghẻ lạnh, lời thoại nào miêu tả rõ tâm trạng, cảm xúc của Lưu Bình?

A. *Cho nên trong dạ thảm sầu*

Thân Lưu này có muốn sống làm chi nữa.

B. *Vốn tôi nay còn muộn công danh*

Thân lận đận sợ nàng khóc nhọc

C. *Một là bận việc quan nên người quên khuấy*

Người đắc thì tôi lại thất thì

D. *Thánh nhân, thiên tử, thánh nhân quân.*

Cổ thế từng khen thượng đại nhân

Câu 4. Lưu Bình đã giãi bày những khó nhọc nào của bản thân với Châu Long?

A. Gia cảnh nghèo khó “Nhà tứ bích, nhất trần như tẩy”

B. Chưa có thành tựu công danh

C. Gia cảnh nghèo khó và chưa đỗ đạt công danh

D. Bản thân là người đã có ước hẹn ở quê nhà

Câu 5. Đáp lại lời giãi bày và do dự của Lưu Bình, Châu Long đã có lời lẽ ra sao?

A. Bày tỏ mong muốn chăm sóc, hỗ trợ Lưu Bình vì thấy chàng là nho sĩ nên thỏa lòng ao ước được cùng đồng hành vì nàng rất thích các nho sĩ.

B. Kể lại câu chuyện mình bị ép duyên và hiện nay nàng không có ai nương tựa, chỉ có thể nhờ vào mối duyên bất ngờ với Lưu Bình

C. Kể lại câu chuyện mồ côi của mình và bản thân phải tha hương cầu thực, chỉ có thể nương vào mối duyên với Lưu Bình

D. Kể lại câu chuyện mình bị ép duyên và tự ý bỏ nhà ra đi. Bày tỏ mong muốn chăm sóc, hỗ trợ Lưu Bình vì thấy chàng là nho sĩ nên thỏa lòng ao ước được cùng đồng hành.

Câu 6. Lời hát sa lệch (lời hát thường dùng để miêu tả tâm trạng) ở đoạn cuối đoạn trích cho thấy điều gì về nhân vật Lưu Bình và Châu Long?

HAI NGƯỜI: (Hát sa lệch)

Công phu đèn sách chuyên cần

Ra tài quyết chí lập thân hội này

Bảng vàng, thẻ bạc về tay

Bõ công học tập theo thày bấy lâu

Mong sau rạng nếp công hầu...

A. Lời bày tỏ tình cảm của Lưu Bình với Châu Long

B. Lời bày tỏ tình cảm của Châu Long với Lưu Bình

C. Lời giãi bày thể hiện quyết tâm ý chí tu luyện để công thành danh toại của Lưu Bình

D. Lời giãi bày thể hiện ý chí quyết tâm đồng lòng của Lưu Bình và Châu Long

Câu 7. Hành động ba năm gắn bó, lo lắng cho việc đèn sách của Lưu Bình mà vẫn giữ được tiết hạnh trong sạch, cho thấy Châu Long là người như thế nào?

A. Không vì lợi ích cá nhân

B. Thủy chung tình nghĩa với Dương Lễ và thấu tình đạt lí

C. Thấu tình đạt lí

D. Hết mực chung thành với Dương Lễ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Nêu đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích

Câu 9. Qua đoạn trích trên, em hãy nhận xét về phẩm chất của nhân vật Lưu Bình và Châu Long

Câu 10. Đoạn trích thể hiện được sự ân tình của Châu Long khi hết lòng hỗ trợ giúp đỡ Lưu Bình cho tới ngày chàng vào kinh ứng thi. Từ nội dung chủ đề của đoạn trích, em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu bàn luận về lối sống ân tình của người Việt Nam.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc truyện ngắn sau

ĐIỆN THOẠI NỬA ĐÊM

Nửa đêm. Chuông điện thoại chợt reo. Ai mà lại gọi vào giữa đêm hôm khuya khoắt thế này? Nó tức giận cầm ống nghe.

Đêm tĩnh mịch bỗng bị âm thanh ào ào trong điện thoại đánh vỡ tan, không rõ là âm thanh gì. Có một tiếng thoát ra từ ống nghe, là tiếng mẹ, hơi chút run run: “Các con ở đó bình yên chứ? Các cháu tan học có về nhà không?”

“Chúng con bình thường, các cháu vẫn ngoan”. Nó hỏi lại “Có vấn đề gì vậy?”

Bố bình tĩnh nói: “Chỗ bố mẹ mưa bão - không có gì, bình yên là được rồi”

Nó cười sằng sặc: “Bố, mẹ, bố mẹ cũng thật là. Ở đây là đất Mỹ, cách hàng vạn dặm, khí hậu làm sao mà giống nhau?”

Bố gác ống nghe, nó lẩm nhẩm tính: Bây giờ đang là hơn 4 giờ chiều ở Trung Quốc, cũng là giờ trẻ con tan học. Thảo nào bố mẹ hỏi tới bọn trẻ con. Bố mẹ ở nông thôn không biết chênh lệch múi giờ, họ cứ nghĩ giống như ở quê vậy.

Nó lại chợp mắt một chút, sau đó bắt đầu một ngày mới bận rộn. Mới nhập cư tới đây, bao nhiêu việc phải lo, hai vợ chồng nó bận tới mức chả có thời gian mà thở nữa. Đến ngày thứ ba nó xem ti vi bỗng thấy một tin thời sự:

Một vùng của Trung Quốc bị mưa bão lũ cuốn, có đến một nửa vùng bị chìm ngập. Nó nhảy dựng trên ghế sofa – đó chính là làng nó.

Nó gọi điện thoại về nhà. Gọi không được. Gọi cho họ hàng, vẫn không được.... Gọi suốt một tiếng đồng hồ, gọi mãi cuối cùng mới liên lạc được với một người bạn trong thành phố. Người bạn nói: Tình hình rất nguy cấp, giao thông trì trệ, thông tin đứt đoạn, mất điện, mất nước.... May mà mưa bão đến giữa ban ngày, mọi người kịp thời ẩn tránh, mới không xảy ra thương vong lớn về người. Hỏi kỹ ra thì lũ cuốn đến đúng 4 giờ chiều ba ngày hôm trước. Nó bần thần một lúc, chính lúc đó nhận được điện thoại của bố mẹ, nhưng họ một chữ cũng không nói.

Nó bỗng nhớ ra cái âm thanh ào ào trong điện thoại. Giờ mới hiểu đó là tiếng lũ cuốn!

Bố mẹ đang lúc hiểm nguy, nhớ đến sự bình yên của con cái. Chao ôi! Bố mẹ đang gặp bão táp ầm ầm, vậy mà nửa lời cũng không cho nó biết.

(Triệu Kiến Vân, Theo Tạp chí Đời sống đương đại)

Thực hiện nhiệm vụ:

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích, đánh giá nét đặc sắc trong cốt truyện và chủ đề của truyện cực ngắn trên. Từ truyện ngắn trên, em rút ra được bài học/thông điệp gì có ý nghĩa với bản thân, hãy chia sẻ bằng một đoạn văn ngắn cuối bài viết.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	A	0.5
	2	B	0.5
	3	A	0.5
	4	C	0.5
	5	D	0.5

	6	C	0.5
	7	B	0.5
	8	**Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích:** - **Đan xen giữa nói và hát**: Lời nói xen lẫn lời hát sắp, hát sai lệch của Châu Long và Lưu Bình **Hát sa lệch:** *Công phu đèn sách chuyên cần* *Ra tài quyết chí lập thân hội này* *Bảng vàng, thẻ bạc về tay* *Bõ công học tập theo thày bấy lâu* *Mong sau rạng nếp công hầu...* **CHÂU LONG:** (Hát sắp) *Vì chàng thiếp phải long đong quan* *Những như thân thiếp đã xong một bề* (Nói với Lưu Bình) *Thiếp đứng ngoài nghe trộm đã lâu* *Xem thơ ấy bất bình lắm nhẽ* *Gặp chàng đây cũng là vắng vẻ* *Thiếp tỏ tường thua lại chàng hay* *Chắc chàng còn mắc míu chi đây* *Chàng nói thực thiếp tôi được biết.* - **Sử dụng các điển tích, điển cố, ca dao**: + Các đại nhân nổi tiếng *Thánh nhân, thiên tử, thánh nhân quân.*	1.0

		Cổ thế từng khen thượng đại nhân *Nghiêu, Thuấn, thuận theo, Nghiêu Thuấn trị* *Võ Thang nối nghiệp, Võ Thang văn.* - **Sử dụng các làn điệu, lối hát riêng của chèo**: Sa lệch, hát sắp, tiếng đế,...	
	9	HS nhận xét về hai nhân vật theo cách hiểu của bản thân và đưa ra những lí giải hợp lí: - **Lưu Bình**: Ban đầu, đau khổ vì bị khinh dễ, coi thường. Sau đó quyết tu tâm tu chí để học hành và đi thi - **Châu Long**: Thủy chung, tình nghĩa, hết lòng hỗ trợ, nâng đỡ cho Lưu Bình nhưng rất thủy chung, giữ lễ nghĩa vì Dương Lễ	0.5
	10	Gợi ý: **1. Định nghĩa**: Ân nghĩa hay Tình nghĩa là gì? **2. Biểu hiện của ân nghĩa người Việt Nam** - Nói "cảm ơn", trân trọng những việc làm của người khác đối với mình khiến bản thân mình tốt hơn. - Giúp đỡ lại người khác ngay khi có thể, sống chan hòa với mọi người, không so đo, đố kị với bất kì ai. - Khi nhận ơn nghĩa của người khác thì biết truyền tải đi những thông điệp tốt đẹp. **3. Ý nghĩa của việc sống ân nghĩa, chân tình** - Việc nhận ơn nghĩa từ người khác khiến cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn, vượt qua được những khó khăn trước mắt, từ đó sống tốt hơn. - Mỗi con người sống với lòng biết ơn thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp hơn, giàu tình cảm hơn và gắn bó với nhau nhiều hơn.	1.0

		- Lòng biết ơn giúp chúng ta rèn luyện những đức tính tốt đẹp khác, truyền tải những thông điệp tích cực ra xã hội. **4. Mở rộng và phản biện:** Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người lạnh lùng vô cảm, nhận được sự giúp đỡ, ơn nghĩa của người khác nhưng ngoảnh mặt làm ngơ hoặc đứng nhìn người khác gặp hoàn cảnh khó khăn mà không giúp đỡ,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán.	
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện kể (Yếu tố cốt truyện, chủ đề và giá trị của văn bản)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ***Đánh giá nét đặc sắc trên ba phương diện*** • ***Cốt truyện*** • ***Chủ đề*** • ***Ý nghĩa***	0.5
		c. Triển khai vấn đề HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện kể dựa trên đặc trưng thể loại *- Sau đây một số gợi ý* **1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (có thể khai thác từ ý nghĩa của câu chuyện sau khi đọc, ví dụ: Tình cảm gia đình, sự vô tâm của con cái, tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái,...) **2. Thân bài:** **Luận điểm 1: Tóm tắt truyện, chỉ ra các sự kiện chính**	2.5

		Luận điểm 2: Phân tích đánh giá cốt truyện - Cốt truyện đơn giản, không nhiều tình tiết sự kiện - Xoay quanh cuộc nói chuyện điện thoại của nhân vật "nó" với cha mẹ và việc "nó" nghe được tin tức bão ở quê nhà - Nhân vật "nó" suy ngẫm lại về cuộc điện thoại và cảm thấy có lỗi với chính cha mẹ mình - Không xây dựng quá phức tạp diễn biến tâm lí, hành động của các nhân vật, nhân vật không xưng tên tuổi, mà chỉ phiếm chỉ → Câu chuyện không chỉ của riêng ai **Luận điểm 3: Chủ đề - Ý nghĩa** Tình cảm của cha mẹ dành cho con cái, sự vô tâm của mỗi chúng ta đôi khi những lời hỏi han ta thường nghĩ lại chẳng đáng quan trọng **Luận điểm 4: Bài học liên hệ tới mỗi chúng ta** **3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề cần nghị luận	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

ĐỀ LUYỆN SỐ 3

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

GẶP QUỶ DỮ VÀ THẦN RỪNG (HỔ)

(Trích chèo "Trương Viên")

Tiếng hát hậu trường:

(Văn binh lửa)

Binh lửa ầm ầm

Gió bay nhà bạc, cát lầm của thưa Tùng bước ngẩn ngơ

Mẹ già đầu bạc, con thơ má đào.

Mụ:

(Nói) Giặc dùng dùng kéo đến sau lưng

Con dắt mẹ đi làm sao được (Hát vãn)

Đành như bẻ ngô, lìa tơ

Lênh đênh góc bể, bơ vơ chân trời.

Thị Phương:

Trình lạy mẹ,

Khôn xiết lao đao

Bởi vì ai xui khiến

Chẳng may ra gặp cơn binh biến

Kẻo con còn mang một chút má hồng

Sợ kẻ gian hùng, con lỗi đạo tao khang (Hát thảm)

Trước là thất tiết cùng chàng

Sau con bỏ mẹ giữa đàng ai nuôi.

Con đưa mẹ vào ẩn chốn sơn lâm

Mụ:

Con ơi, bây giờ mẹ đói bụng khát nước, nhọc lâm...

Mẹ không thể đi được nữa, con xem có gần nhà ai thì con xin cho mẹ một chút đỡ đói lòng.

Thị Phương: (Nói sứ)

Mẹ ơi,

Con trông bên đông có lửa

Mẹ ngồi đây, con thử vào coi

Có cơm cháo xin người thí bỏ

Quỷ: (Ra) Động ta đây nghiên chỉnh sắp bày

Ủa kìa người họa phúc tới đây

Sai chúng quỷ ra vây bắt lấy

(Xung danh) Mỗ bạch yêu tinh

Chiếm cao san nhất động

Ngày ngày thường bát người nuốt sống

Đêm thời đón khách nhai gan

Lộc thiên trù đưa đến tự nhiên [(1)]

Nay được bữa no say... cha chả!

Này người kia,

Sơn lâm rừng vắng Đỉnh thượng non cao

Chốn hang sâu sao dám tìm vào

Đi đâu đó, kìa con, nọ mẹ?

Thị Phương:

Trinh lạy ông thương đoái

Mẹ con tôi đói khát làm thay

Xây nhà lạc bước đến đây

Có con cháo xin người thì bố

Quỷ:

Không khiến kêu van kể là

Ta quyết nhai tuổi, nuốt sống không tha

Quỷ cái: (Ra)

Chàng ăn thịt gì cho thiếp tôi ăn với!

Quỷ:

Ta ăn thit Thị Phương

(***Lược đoạn Quỷ nói chuyện với Quỷ cái, Quỷ cái xin là em kết nghĩa để Thị Phương không bị ăn thịt, cuộc nói chuyện của thần linh và Thị Phương và mẹ để tránh nạn bị ăn thịt***)

Thị Phương: (Quay ra) - Mẹ thức hay ngủ mẹ ơi!

Mụ: - Con vào đấy có được tí gì không?

Thị Phương: - Thưa mẹ, con vào đó, quỷ đông đòi ăn thịt

Mụ: - Ăn cơm với thịt đông à?

Thị Phương: - Quỷ đông đòi ăn thịt con, mẹ ạ.

Quỷ cái ra can rồi lại cho vàng.

Mụ:

(Cầm vàng hát sắp) - Ở hiền rồi lại gặp

lành

Mẹ lại ngại thân con (Hát văn)

Như dao cắt ruột mẹ ra (Nói)

- Con ơi, trời còn sớm hay đã tối mà con cứ dắt mẹ đi mãi thế này?

Gặp vợ chú quỷ cho thanh tre già

(Nói sử) Ối con ơi,

Mẹ cảm thương thân mẹ

Trăm sầu, nghìn thảm chất đà nên con!

Thị Phương:

- Trình lạy mẹ,

Vầng ô đã lặn

Vắng vẻ của nhà

Mẹ con ta vào gốc cây đa

Nằm nghỉ tạm qua đêm sẽ liệu (ngồi nghỉ)

Thần rừng (Hổ): (Ra)

- Ra oai hùm gầm kêu ba tiếng

Phóng hào quang chuyển động phong lôi

Xa chẳng tỏ, nhảy lại ngô coi

Giống chi chi như thể hình người

Đi đâu đó? - Kìa con, nọ mẹ

Muốn sống thời ai chịu cho ai

Vào nộp mệnh cho ta nhai một.

Thị Phương: - Trăm lạy ông,

Nhẽ ngày hôm qua một tận không còn

Tôi kêu trời khấn đất đã vang

Qua nạn ấy, nạn này lại phải

Ông ăn thịt một, còn một ông tha

Ông để mẹ già, tôi xin thế mạng.

Ơn ông vạn bội

Mụ:

Con tôi còn trẻ

(Nói sứ) Trình lạy ông

Công sinh thành, ông để tôi đền

Ông ăn thịt tôi, ông tha cháu nó

Thị Phương: - Thưa mẹ, mẹ để con chịu cho

Mụ:

Ới con ơi, con còn trẻ người non dạ, để mẹ chịu cho.

Thần rừng (Hổ): - Nhẽ ra thời ăn thịt cả không tha

Thấy mẹ con tiết nghĩa thay là

Tha cho đó an toàn tính mệnh

(Trích Hà Văn Cầu, *Tuyển tập chèo cổ*, NXB Sân khấu,1999)

Chú thích:

Tóm tắt vở chèo: Trương Viên quê đất Võ Lăng, nhờ mẹ sang hỏi cưới Thị Phương, người con gái của Tể tướng đã hồi hưu, thấy chàng học giỏi, cha Thị phương đồng ý và cho đôi ngọc lưu ly làm của hồi môn. Giữa lúc chàng đang dùi mài kinh sử thì được chiếu đòi đi dẹp giặc, chàng từ biệt mẹ già, vợ trẻ ra chiến trường. Trong cảnh chạy giặc, Thị Phương đã dắt mẹ chồng lưu lạc suốt mười tám năm. Hai người bị quỷ dữ trong rừng sâu đòi ăn thịt, song may nhờ người vợ quỷ nhận làm chị em xin tha rồi cho vàng. Tiếp đó họ lại bị hổ dữ đòi ăn thịt. Thị Phương tình nguyện dâng miếng thịt nơi cánh tay để cứu mẹ chồng. Hổ tha mạng cho cả hai mẹ con. Mẹ ốm, nàng dâng đôi mắt mình để Sơn Thần làm thuốc chữa cho mẹ. Để có cách sinh nhai, Ngọc Hoàng sai Chúa Tiên xuống dạy nàng nghề đàn hát. Thắng trận trở về, Trương Viên trở về quê cũ tìm mẹ già và vợ, sau đó đi nơi khác, chàng gặp hai mẹ con bà hát xẩm. Qua bài Trần tình, chàng đã nhận ra mẹ và vợ. Nhờ ngọc lưu ly, đôi mắt của Thị Phương trở lại trong sáng như xưa

*** Tên đoạn trích do người soạn đề - Cô Quỳnh Anh đặt**: Thị Phương và mẹ chồng bị quỷ dữ trong rừng sâu đòi ăn thịt, song may nhờ người vợ quỷ nhận làm chị em xin tha rồi cho vàng. Tiếp đó họ lại bị hổ dữ đòi ăn thịt. Thị Phương tình nguyện dâng miếng thịt nơi cánh tay để cứu mẹ chồng. Hổ tha mạng cho cả hai mẹ con.

(1) Lộc thiên trù: Lộc của bếp nhà trời ban cho

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

A. Chèo cổ (chèo sân đình)

B. Chèo bác học

C. Tuồng đồ

D. Tuồng pho

Câu 2. Văn bản kể lại sự việc gì?

A. Mẹ chồng ốm, nàng dâng đôi mắt mình để Sơn Thần làm thuốc chữa cho mẹ.

B. Để có cách sinh nhai, Ngọc Hoàng sai Chúa Tiên xuống dạy nàng nghề đàn hát. Thắng trận trở về, Trương Viên trở về quê cũ tìm mẹ già và vợ, sau đó đi nơi khác, chàng gặp hai mẹ con bà hát xẩm. Qua bài Trần tình, chàng đã nhận ra mẹ và vợ.

C. Thị Phương và mẹ chồng bị quỷ dữ trong rừng sâu đòi ăn thịt, song may nhờ người vợ quỷ nhận làm chị em xin tha rồi cho vàng. Tiếp đó họ lại bị hổ dữ đòi ăn thịt. Thị Phương tình nguyện dâng miếng thịt nơi cánh tay để cứu mẹ chồng. Hổ tha mạng cho cả hai mẹ con.

D. Trương Viên quê đất Võ Lăng, nhờ mẹ sang hỏi cưới Thị Phương, người con gái của Tể tướng đã hồi hưu, thấy chàng học giỏi, cha Thị phương đồng ý và cho đôi ngọc lưu ly làm của hồi môn. Giữa lúc chàng đang dùi mài kinh sử thì được chiếu đòi đi dẹp giặc, chàng từ biệt mẹ già, vợ trẻ ra chiến trường.

Câu 3. Thị Phương đã có những hành động nào thể hiện sự hiếu thuận của mình?

A. Xin cơm cho mẹ chồng

B. Xin Quỷ dữ tha mạng cho hai mẹ con

C. Cầu xin thần rừng (Hổ) lấy mạng mình thay cho mẹ

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 4. Trước sự cầu xin của Quỷ cái, Quỷ dữ đã có quyết định ra sao?

A. Ăn thịt Thị Phương do quỷ dữ đã quá đói

B. Tha mạng cho Thị Phương và mẹ chồng nàng

C. Cùng Quỷ cái ăn thịt Thị Phương

D. Lấy một cánh tay của Thị Phương để đổi lấy mạng sống

Câu 5. Lời nói sử của mẹ trong câu sau thể hiện điều gì?

(Nói sử) *Ối con ơi,*

Mẹ cảm thương thân mẹ

Trăm sầu, nghìn thảm chất đà nên con!

A. Người mẹ cảm thấy sầu thảm khi trở thành gánh nặng cho con

B. Người mẹ cảm thấy thương thân cho chính mình

C. Người mẹ cảm thấy sầu thảm và thương cho con dâu và bản thân

D. Người mẹ cảm thấy sầu thảm vì con dâu lại đem mình theo để mình chịu khổ

Câu 6. Lí do vì sao thần rừng (hổ) lại tha mạng cho Thị Phương?

A. Do thần rừng nhìn thấy được tiết nghĩa cảm động giữa hai mẹ con Thị Phương

B. Do thần rừng đã ăn no và không muốn làm khó Thị Phương

C. Do thần rừng biết Thị Phương có Ngọc Hoàng bảo vệ

D. Do thần rừng cảm thấy lời năn nỉ, cầu xin của Thị Phương có lí

Câu 7. Nhân vật Thị Phương hiện trong đoạn trích là người như thế nào?

A. Dũng cảm và hết mức mạnh mẽ

B. Người con vô cùng hiếu thảo, yêu thương mẹ già

C. Người thông minh nhanh trí

D. Người phụ nữ đức hạnh

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Theo lẽ thường, quan hệ mẹ chồng nàng dâu vốn có nhiều khúc mắc và xích mích, khó có thể hòa hợp. Nhưng trong đoạn trích có thể thấy mối quan hệ giữa Thị Phương và mẹ chồng vô cùng gần gũi, thân thiết. Em có biết tác phẩm nào cũng thể hiện được mối quan hệ tốt đẹp giữa mẹ

chồng và nàng dâu không? Theo em, việc xây dựng tình huống và sự việc con dâu có hiếu với mẹ chồng nhằm mục đích gì?

Câu 9. Qua đoạn trích trên, em hãy nhận xét về phẩm chất của nhân vật Thị Phương

Câu 10. Đoạn trích thể hiện được sự hiếu thảo của Thị Phương với mẹ chồng, viết đoạn văn khoảng 12 câu bàn về lòng hiếu thảo.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau

MẸ

(Đỗ Trung Lai)

1. Lưng mẹ còng rồi
Cau thì vẫn thẳng
Cau-ngọn xanh rờn
Mẹ-đầu bạc trắng

2. Cau ngày càng cao
Mẹ ngày một thấp
Cau gần với giời
Mẹ thì gần đất!

3. Ngày con còn bé
Cau mẹ bổ tư
Giờ cau bổ tám
Mẹ còn ngại to!

4. Một miếng cau khô
Khô gầy như mẹ
Con nâng trên tay
Không cầm được lệ

5. Ngẩng hỏi giời vậy
- Sao mẹ ta già?
Không một lời đáp
Mây bay về xa.

(Đỗ Trung Lai, Đêm sông Cầu, NXB Quân đội nhân dân, 2003)

Thực hiện nhiệm vụ:

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích, đánh giá nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	A	0.5

	2	C	0.5
	3	D	0.5
	4	B	0.5
	5	A	0.5
	6	A	0.5
	7	B	0.5
	8	- Tác phẩm: Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) - Mối quan hệ vốn theo lẽ thường không tốt đẹp nhưng lại tốt đẹp với Thị Phương → Mục đích: Tô đậm nét đức hạnh, hiếu thảo, trọng tình nghĩa của nhân vật	1.0
	9	HS nêu được phẩm chất: Hiếu thảo, chăm lo, hết lòng vì mẹ chồng và gia đình nhà chồng Chỉ ra được các bằng chứng cụ thể: + Lời van xin quỷ dữ và thần rừng không ăn thịt mẹ, sẵn sàng chết thay mẹ + Hết lòng chăm sóc mẹ chồng và tìm đồ ăn thức uống cho bà	0.5
	10	Gợi ý: **1. Định nghĩa**: Lòng hiếu thảo là gì? **2. Biểu hiện của lòng hiếu thảo:** Người có lòng hiếu thảo là người luôn biết cung kính, vâng lời và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được an ổn **3. Ý nghĩa lòng hiếu thảo** - Ông bà cha mẹ là những người sinh thành và nuôi dưỡng ta khôn lớn, luôn dành cho ta những điều tốt đẹp nhất trên	1.0

		đời này. - Lòng hiếu thảo là chuẩn mực trong đời sống văn hóa Việt Nam - Người có lòng hiếu thảo được mọi người trân trọng, yêu mến. - Giá trị của một người con được nhìn nhận không phải ở sự giàu sang, quyền quý mà nó được thể hiện qua chữ "hiếu". - Lòng hiếu thảo giúp gắn kết các thế hệ trong gia đình. .**4. Mở rộng và phản biện:** Trong xã hội còn nhiều người sống bất hiếu, vô lễ, đánh đập đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già. Họ thể hiện một lối sống vô ơn, một nhân cách kém cỏi.	
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích đánh giá nét đặc sắc nghệ thuật và nội dung một tác phẩm thơ	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ***Đánh giá nét đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm "Mẹ" – Đỗ Trung lai***	0.5
		c. Triển khai vấn đề HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ trên đặc trưng thể loại *- Sau đây một số gợi ý* **1. Mở bài:** - Giới thiệu khái quát về tác giả Đỗ Trung Lai và bài thơ Mẹ - Khái quát nội dung, nghệ thuật chính của tác phẩm: **2. Thân bài:** **a. Hình ảnh người mẹ**	2.5

		- Hình ảnh mẹ được so sánh với hình ảnh cây cau - một loài cây quen thuộc trong các làng quê Việt Nam. - Những hình ảnh về "mẹ" và "cau": + lưng mẹ "còng" - cau "thẳng" + cau "ngọn xanh rờn" - mẹ "đầu bạc trắng" + cau "ngày càng cao" - mẹ "ngày một thấp" + cau "gần giời" - mẹ "gần đất" => Hình ảnh người mẹ tuổi tác ngày một lớn theo năm tháng. **b. Tình cảm của người con dành cho mẹ** - Hình ảnh so sánh "một miếng cau khô/ khô gầy như mẹ": Xót xa, đau đớn khi tuổi tác của mẹ ngày càng lớn, sức khỏe ngày càng yếu đi. - "Không cầm được lệ": Nỗi xót xa, cay đắng bị dồn nén. - Câu hỏi tu từ "Sao mẹ ta già?": Câu hỏi tu từ không nhận được lời đáp, để lại sự cô đơn, trống vắng. - Hình ảnh "mây bay về xa" cũng giống như mái tóc mẹ bạc hòa cùng với mây trắng trên cao thể hiện một niềm xót xa, tiếc nuối, chỉ có thể chấp nhận mẹ như mây trên trời đang rời xa mình. => Cảm xúc đau lòng của người con khi chứng kiến mẹ đang già đi trước mắt mình, niềm thương cảm, nỗi xót xa và sự trân trọng dành cho người mẹ. **3. Kết bài:** - Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Mẹ - Khuyên mọi người luôn phải yêu thương, kính trọng cha mẹ mình.	

		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

ĐỀ LUYỆN SỐ 4

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NỖI OAN HẠI CHỒNG

(Trích Quan Âm Thị Kính)

THIỆN SĨ: (nói sử) Nàng ơi, đã bao lâu soi kinh bóng quế [(1)])

Ta dùi mài đợi hội long vân [(2)]

Đêm nay nghe mỏi mệt tâm thần

Mượn kỉ này ta nghỉ lưng một lát.

(Thị Kính dọn kỉ rồi ngồi quạt cho chồng. Thiện Sĩ thiu thiu ngủ. Một lát, Thị Kính chăm chú nhìn dưới cằm chồng, băn khoăn).

THỊ KÍNH: (nói sử) Đạo vợ chồng trăm năm kết tóc [(3),]

Trước đẹp mặt chồng sau đẹp mặt ta.

Râu làm sao một chiếc trồi ra?

Dị hình sắc dưới cằm mọc ngược

Khi chàng thức giấc biết làm sao được.

Nay đang cơn giấc ngủ mơ màng

Dạ thương chồng lòng thiếp sao an

Âu dao bén, thiếp xén tày một mực.

(Thị Kính cầm dao khâu xén chiếc râu. Thiện Sĩ chợt giật mình choàng thức dậy, hốt hoảng nắm lấy dao kêu lên).

THIỆN SĨ: Hỡi cha! Hỡi mẹ! Hỡi xóm! Hỡi làng!

Đêm hôm khuya khoắt bỗng làm sao thấy sự bất thường...

(Sùng ông, Sùng bà cùng hốt hoảng chạy ra).

SÙNG BÀ: Làm sao đấy hở? Làm sao?

SÙNG ÔNG: Bất thường làm sao? Việc gì ban đêm không để xóm giềng ngủ. Vợ chồng lại rầm rĩ lên như thế?

THIỆN SĨ: (nói đếm)

Thưa cha mẹ, đêm qua con ngồi học đã khuya

Vừa chợp mắt thấy dao kia kề cổ.

Con nói đây, có quỷ thần hai vai chứng tỏ

Dầu thực hư đôi lẽ con chưa tường.

SÙNG ÔNG: Hú vía! Kề cổ mày hay kẻ cổ ai hở con?

SÙNG BÀ: (gắt Sùng ông)

Thôi đi, lại còn kề cổ ai vào đây nữa?

Cái con mặt sứa gan lim này! Mày định giết con bà à? (Dúi đầu Thị Kính ngã xuống) Úi chao! Tôi đã bảo ông mà!

Lấy vợ cho con thì phải kén họ. Tôi đã bảo là phải kén những nơi công hầu kia mà! (Múa hát sắp chợt)

Giống phượng giống công

Giống nhà bà đây giống phượng giống công.

Còn tuồng bay mèo mả gà đồng lẳng lơ.

Chứ bây giờ bay mới lộ cái mặt ra,

Chứ bây giờ sao chẳng mở cái mồm ra ?

THỊ KÍNH: (khóc)

Lạy cha, lạy mẹ! Cho con xin trình cha mẹ...

SÙNG BÀ: Thôi câm đi! Lại còn dám mở mồm nữa à?

(Tiến lại phía Thiện Sĩ) Úi chao! Hú hồn hú vía cho con tôi!

Giải kiếp! Giải kiếp! (Quay lại Thị Kính)

(Nói lệch) Cả gan! Cả gan! Cái con này thật cả gan! May cho con tao sực tỉnh giấc vàng,

Tỉnh tình tinh nữa còn gì mà không chết?

Này con kia! Mày có trót say hoa đắm nguyệt

Đã trên dâu dưới bộc hẹn hò...

THỊ KÍNH: (vật vã khóc) Giời ơi ! Mẹ ơi, oan con lắm mẹ ơi!

SÙNG BÀ: (nói tiếp) Mày cứ thú với bà, bà cũng thứ đi cho.

Can chi phải dụng tình bất trắc.

Mày ngửa mặt lên cho bà xem nào

SÙNG ỐNG: Thì mày ngửa lên cho bà ấy xem !

(Thị Kính ngửa mặt rũ rượi)

SÙNG BÀ: (nói lệch) Ôi chao ơi là mặt!

Chém bỏ băm vằm sả sích mặt!

Gái say trai lập chí giết chồng!

THỊ KÍNH: Oan cho con lắm mẹ ơi!

Chàng học khuya mỏi mệt.

Con thấy râu mọc ngược dưới cằm

SÙNG BÀ: Lại còn oan à?

Rõ rành rành mười mắt đều trông.

Phi mặt gái trơ như mặt thớt!

SÙNG ÔNG: Thì ra con Thị Kính này nó là gái giết chồng thật hở bà?

SÙNG BÀ: Úi giời ơi! Chồng với con! Ông chửa mở mắt được ra mà trông kia kìa (trỏ con dao dưới đất).

Lúc nào cũng rượu, lúc nào cũng say.

Ăn nói thì lèm bèm lèm bèm...

SÙNG ÔNG: Thì tôi biết đâu! Tôi cứ tưởng như tôi với bà ngày còn trẻ kia đấy. Tôi thì tôi đồ chừng chỉ là cái chuyện như tôi với bà cái thuở đương thì đấy thôi bà ạ.

SÙNG BÀ: (đay nghiến Sùng ông) Đương với chả thì... (kéo Sùng ông vào phản) Không biết gì thì ông ngồi chết xuống đây này!

SÙNG ÔNG: Ừ thì ngồi!

SÙNG BÀ: Này con kia ! Tam tòng tứ đức nhà mày để ở đâu hử? (nói lệch) Sao mày không sợ gươm trời búa nguyệt,

Cả gan thay cho bụng đàn bà.

Ngựa bất kham thôi về Bổng Báo [4]

Này, bà bảo cho mà hay này : đồng nát thì về Cầu Nôm [5] , con gái nỏ mồm thì về ở với cha, biết không ?

Trứng rồng lại nở ra rằng

Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

(nói lệch) Này! Nhà bà đây cao môn lệnh tộc [6]

Mày là con nhà cua ốc

Cho nên chữ tam tòng mày ăn ở đơn sai

Chả công đâu bà đánh mắng cho hoài

Gọi Mãng tộc, phó về cho rảnh thôi ông ạ!

Ơ hay! ... Thế ông vẫn ngồi chết ở đấy à?

SÙNG ÔNG: Sao bà bảo tôi ngồi chết dí xuống đây thì tôi đừng ngồi à ?

SÙNG BÀ: Không biết gọi Mãng ông sang đây mà giao giả con Thị Kính kia đi. Để như vậy con mình có ngày chết oan vì nó đấy. Thôi ông đi đi!

SÙNG ÔNG: Ừ thì đi!

THỊ KÍNH: (với Thiện Sĩ) Oan thiếp lắm chàng ơi!

SÙNG BÀ: Thôi con vào rửa mặt mà đọc sách. Rồi đây mẹ lấy cho dăm bảy vợ, tiếc gì cái đồ sát chồng kia nữa!

THỊ KÍNH: Mẹ xét tình cho con, oan con lắm mẹ ơi!

SÙNG BÀ: Hãy còn oan à? (với Thiện Sĩ) Đi! Đi vào!

(Thị Kính chạy theo van xin, Sùng bà dúi tay ngã khuỵu xuống thì có tiếng Sùng ông nói từ ngoài cổng).

SÙNG ỐNG: Ông Mãng ơi, ông sang mà ăn cỡ cháu!

MÃNG ÔNG: Đấy, tôi biết ngay mà! Mạ già ruộng ngấu, không cắm cây mạ thì thôi, chứ đã cắm là mọc ngay cây lúa cho mà xem.

SÙNG ÔNG: Ông khoe con ông nữ tắc nữ công nhỉ?

MÃNG ÔNG: Vâng thi cháu đủ nữ tắc nữ công đấy chứ

SÙNG ỐNG: Đây này! (cầm con dao giơ vào mặt Mãng ông) Đang nửa đêm nó cầm dao giết chồng đây này!

MÃNG ÔNG: Úi chao Thật thế hở ông?

SÙNG ÔNG: Ông chưa mở mắt ra mà trông đấy à? (chỉ Thị Kính) Đấy, con ông đấy, ông đem về mà dạy bảo. Từ giờ trở đi ông hãy bớt cái mồm mà khoe khoang, nữ tắc với chả nữ công. Về đi!

MÃNG ỐNG: Ông ơi! Ông cho tôi biết đầu đuôi câu chuyện với, ông ơi!

SÙNG ÔNG: Biết này !

(Sùng ông dúi ngã Mãng ông rồi bỏ vào. Thị Kính chạy vội lại đỡ cha. Hai cha con ôm nhau than khóc).

MĂNG ÔNG: Con bị! Con ăn ở ra sao mà nên nông nỗi này hở con?

THỊ KÍNH: Cha ơi! Oan cho con lắm cha ơi!

MẢNG ỐNG: Oan cho con lắm à? (sử rầu rồi vãn)

Con ơi! Dù oan dù nhẫn chẳng oan

Xa xôi cha biết nỗi con nhường nào?

Thôi sự tình về nhà nói cho cha mẹ biết.

Dù oan, ngay, giờ biết kêu ai.

Thôi đứng dậy về cùng cha,

Rồi cha liệu cho con.

(Thị Kính dẫn cha đi một quãng, Mãng ông quay lại)

Về cùng cha, con ơi!

(Thị Kính đi theo cha mấy bước nữa rồi dừng lại và thở than, quay vào nhìn từ cái kỉ đến sách, thúng khâu, rồi cầm lấy chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay).

THỊ KÍNH: (hát sử rầu)

Thương ôi! Bấy lâu sắt cầm tịnh hảo [7]

Bỗng ai làm chăn gối lẻ loi.

Nghĩ trách mình phận hẩm duyên đi

Cho nên nỗi thế tình run rủi!

(nói thảm) Về cùng cha! Có trở về như vậy

Cũng không sao tránh khỏi tiếng mỉa mai.

Không không phải sống ở đời mới mong tỏ rõ là người đoan chính...

(sử rầu tiếp) Con vọng bái nghiêm từ [8] tôn kính

Con tìm nơi khuất mặt cho xong.

Trách lòng ai nỡ phụ lòng

Đang tay nỡ bẻ phím đồng làm đôi

Nhật nguyệt rạng soi

Thấu tình chăng nhẽ

Trước con lạy cha, sau con lạy mẹ

Thay áo quần giả dạng nam nhi

(hát ba than) Áo chít cài khuy

Nay tôi quyết tâm trá hình nam tử bước đi tu hành.

Cầu Phật tổ chứng minh.

(Thị Kính lặng lẽ bước ra khỏi nhà họ Sùng, hướng về phía chân trời chớm rạng đông thì màn từ từ khép lại).

(Theo ĐỖ BÌNH TRỊ, HOÀNG HỮU YÊN: Văn tuyển văn học Việt Nam, NXB Giáo dục, H., 1983)

Chú thích:

Tóm tắt vở chèo:

Vở chèo có thể chia làm ba phần

1. Án giết chồng

Thiện Sĩ, con Sùng ông Sùng bà, kết duyên cùng Thị Kính, con gái Mãng ông, một nông dân nghèo. Một hôm, vợ ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh. Thấy chồng có sợi râu mọc ngược, Thị Kính cầm dao ở thủng toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, bất giác hô hoán lên. Cha mẹ chồng đổ riệt cho Thị Kính có ý giết Thiện Sĩ, đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ.

2. Án hoang thai

Bị oan ức nhưng không biết kêu vào đâu, Thị Kính đi tu. Giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp hiệu là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông vốn tính lẳng lơ, say mê Kính Tâm. Ve vãn Kính Tâm không được, Thị Mầu về nhà đùa ghẹo, ăn nằm với anh Nô là người ở, rồi có chửa. Làng bắt vạ. Bí thế, Thị Màu khai cho Kính

Tâm. Kính Tâm chịu oan tình, bị đuổi ra tam quan (cổng chùa). Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm.

3. Oan tình được giải – Thị Kính lên tòa sen

Trải ba năm, Kính Tâm đi xin sữa từng ngày nuôi con của Thị Mầu. Rồi nàng "hóa", được lên tòa sen, trở thành Phật bà Quan Âm. Trước khi "hóa", Kính Tâm viết thư để lại cho đứa trẻ. Bấy giờ mọi người mới rõ Kính Tâm là gái và hiểu rõ tấm lòng từ bi nhẫn nhục của nàng.

(1) Soi kinh bóng quế: ý nói chăm đọc sách mong được thi đỗ. .

(2) Long vân: ý nói thi cử đỗ đạt (rồng gặp mây).

(3) Chỉ những cuộc tình bất chính (trên bãi sông Bộc, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, trong ruộng dâu là chỗ ngày xưa, trai gái nước Trịnh và nước Vệ hay hẹn hò nhau ra đó để tình tự).

(4) Bổng Báo: tức thôn Bổng Thượng thuộc Vĩnh Lộc (Thanh Hóa), một nơi đất văn vật thời xưa, xe ngựa dập dìu, người ta thường đưa ngựa bất kham về đây thuần hóa được cả.

(5) Cầu Nôm: thuộc huyện Mỹ Văn (Hưng Yên) ngày nay, có nghề đúc đồng.

(6) Cao môn lệnh tộc: chỉ nơi giàu có, quyền thế.

(7) Sắt cầm tịnh hảo: ý nói tình vợ chồng hòa hợp (sắt, cầm là hai thứ đàn cổ).

(8) Nghiêm từ: cha mẹ.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

A. Chèo cổ

B. Chèo bác học

C. Tuồng đồ

D. Tuồng pho

Câu 2. Văn bản kể lại sự việc gì?

A. Thị Kính nhổ râu cho chồng

B. Thị Kính với ý định cắt râu mọc ngược cho chồng nhưng bị nghi oan là muốn giết chồng

C. Âm mưu giết chồng của Thị Kính

D. Thị Kinh vô ý cầm dao khiến chồng lầm tưởng rằng nàng có ý định giết chồng

Câu 3. Thái độ của Sùng Ông và Sùng Bà trước lời kêu cứu của Thiện Sĩ khác nhau như thế nào?

A. Sùng Bà ngay lập tức hỏi cho ra nhẽ còn Sùng Ông thì lờ đi coi như không có chuyện gì

B. Sùng Bà ngay lập tức trách móc con trai và bênh Thị Kính, Sùng Ông thì thông báo cho thông gia là Mãng Ông đem con gái về

C. Sùng Bà ngay lập tức đổ lỗi, trách cứ và buộc tội con dâu là Thị Kính, Sùng Ông bán tính bán nghi không tin nhưng rồi cũng buộc phải nghe theo Sùng Bà

D. Sùng Bà ngay lập tức đưa Thị Kính về nhà bố mẹ, Sùng Ông thì ra sức van nài vợ để cứu Thị Kính

Câu 4. Đoạn nói lệch của Sùng Bà thể hiện được thái độ của nhân vật với Thị Kính như thế nào?

SÙNG BÀ: (nói lệch) *Ôi chao ơi là mặt!*

Chém bỏ băm vằm sả sích mặt!

Gái say trai lập chí giết chồng!

A. Đay nghiến, mỉa mai, lên án mạnh mẽ hành động cố ý giết chồng của Thị Kính

B. Chia sẻ về đức hạnh của người phụ nữ

C. Tạo không khí rộn ràng, gấp gáp trước sự tình hiện tại

D. Chê bai cách hành xử của Thị Kính

Câu 5. Lời hát sử rầu của Thị Kính ở cuối đoạn trích cho thấy điều gì về nàng?

A. Khẳng định sự đoan chính và không muốn trở về khiến cho mẹ xấu hổ, quyết định đi giả nam tu hành

B. Muốn minh oan cho bản thân

C. Khẳng định sự đoan chính, không làm điều hổ thẹn với lương tâm

D. Quyết tâm tu hành

Câu 6. Đáp lại những lời kêu oan của Thị Kính, Sùng ông, Sùng bà đã có hành động gì?

A. Liên tiếp buộc tội Thị Kính

B. Liên tiếp buộc tội Thị Kính và đem đi bêu rếu khắp nơi

C. Đem chuyện này trình báo lên quan trên

D. Liên tiếp buộc tội Thị Kính và trả Thị Kính về nhà Mãng ông

Câu 7. Theo em, lí do nào khiến Thị Kính chẳng thể minh oan?

A. Do xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, lời nói của người phụ nữ không có trọng lượng minh oan

B. Do định kiến mẹ chồng nàng dâu

C. Do Thị Kính không tìm được đủ lí do thuyết phục minh oan

D. Do Thị Kính và Thiện Sĩ tình cảm không được tốt đẹp

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Liệt kê và phân tích lời thoại cho thấy được thái độ của Sùng Bà đối với Thị Kính? Theo em, có những lí do khiến Sùng Bà có những lời lẽ và hành động như vậy?

Câu 9. Vì sao toàn bộ cuộc đối thoại nỗi oan Thị Kính, Thiện Sĩ lại không nói lời nào hoặc chỉ nói rất ít?

Câu 10. Đoạn trích trên đã cho thấy phẩm chất và số phận gì của Thị Kính nói riêng và những người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc truyện cổ tích sau:

VỢ CHÀNG TRƯƠNG

Ngày xưa, ở làng Nam-xương có cô gái tên là Vũ Thị Thiết, người đã xinh đẹp lại thùy mị nết na. Nàng lấy chồng là Trương sinh vốn là người cùng làng. Trương sinh có tính cả ghen, hay để tâm xét nét vợ, nhưng vợ chàng thường giữ gìn khuôn phép nên không có chuyện gì xảy ra.

Vợ chồng hương đượm lửa nồng chưa dược bao lâu thì bỗng nghe tin chốn biên thùy có giặc, chồng vâng lệnh quan phải từ giã mẹ và vợ đi lính thú. Bấy giờ vợ đang có thai. Buổi chia tay thật là bịn rịn, mẹ chúc cho con chân cứng đá mềm, chồng khuyên vợ gắng phụng dưỡng mẹ già và nuôi con khôn lớn.

Sau khi chồng trẩy được mươi ngày thì Vũ Thị Thiết sinh được một đứa con trai, đặt tên là thằng Đản. Thằng bé sởn sơ mạnh khỏe, còn bà nội của nó vì nhớ con sinh ra đau ốm. Vợ chàng Trương hết lòng mời thầy chạy thuốc, nhưng bệnh của mẹ chồng mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu thì mất. Nhờ có bà con xóm giềng, mọi việc tống táng đều lo liệu chu toàn.

Đã mấy thu qua không thấy chồng về, một mẹ một con mỏi mòn trông đợi. Hàng ngày chăm lo đồng áng, tối lại nàng mới có thì giờ chăm sóc cho con. Có những hôm phải chong đèn khâu vá dọn dẹp và nô đùa với con. Những lúc con khóc, nàng thường chỉ vào bóng của mình trên vách mà bảo:

- Nín đi con! Kìa, kìa bố đã về. Đấy! Đấy!

Đứa bé nhìn vào bóng, nín bặt.

Cứ như thế lâu dần thành thói quen. Thằng Đản thường đòi gặp bố trước khi đi ngủ. Cái bóng đen đen trên tường từ đấy đối với cả mẹ lẫn con như một người thân thích.

* * *

Rồi chiến tranh kết liễu, cõi biên thùy lại yên lặng, những người đi lính thú lại được trả về quê quán. Trương sinh cũng ở trong số đó. Sau bao năm tháng ly biệt, hai vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chàng đau lòng vì mất người mẹ thân yêu nhưng lại vui sướng vì có đứa con.

Thằng bé Đản bây giờ lên ba tuổi, đã biết nói bập bẹ. Tuy nó để cho bố nó bế nhưng vẫn tỏ ra xa lạ. Qua mấy ngày sau, Trương Sinh hỏi mộ mẹ rồi bế con đi thăm. Ra đến đồng, thằng bé Đản quấy khóc nhè.

Trương sinh dỗ dành:

- Con nín đi đừng khóc, bố yêu. Rồi bố mua quà cho mà ăn.

Thằng bé đáp ngay:

- Không. Ông không phải là bố của Đản... Bố Đản khác kia... Chỉ đến tối bố Đản mới đến nhà thôi.

Nghe nói, Trương sinh thấy nhói ở tim. Chàng nhìn vào con hỏi dồn:

- Thế thì bố của Đản như thế nào? Con nói đi!

- Tối nào bố Đản cũng đến... Mẹ Đản đi cùng đi, mẹ Đản ngồi cùng ngồi... Chẳng bao giờ bố bế Đản cả...

Mấy lời nói vô tình của đứa bé làm cho Trương sinh tin là vợ mình ngoại tình, không còn ngờ gì nữa. Nghĩ đến người vợ xinh đẹp trong tay kẻ khác, cơn ghen tự nhiên bừng bừng bốc lên. Chàng lẩm bẩm: - "Thật là quá rõ. Không ngờ trong khi mình gian lao thế ấy, thì nó ở nhà lại như thế kia".

Về đến nhà Trương sinh mắng nhiếc vợ tàn tệ:

- Tao không ngờ mày là đồ thất tiết. Mẹ chết, chồng đi vắng, tối tối rước trai về nhà.

Chàng mắng dữ dội nhưng không bảo là tự miệng con nói ra. Vợ chàng một mực chối cãi:

- Cách biệt ba năm, thiếp vẫn một lòng một dạ, đâu có hư thân mất nết như lời chàng nói. Xin chàng đừng ngờ oan cho thiếp.

Vợ càng phân trần thì cơn giận của chồng càng không thể dằn xuống được nữa. Chồng bắt đầu dùng lối vũ phu để tra khảo vợ. Hàng xóm láng giềng nghe tin vợ chồng lục đục đổ tới can ngăn nhưng chẳng ăn thua gì. Chồng cho là vợ khéo mồm khéo mép nên được mọi người che lấp tội lỗi.

Trong cơn phẫn uất, người thiếu phụ ôm lấy con khóc nức nở, rồi nhân lúc chồng sang hàng xóm, chạy một mạch ra bến Hoàng-giang đâm đầu xuống nước.

Khi Trương sinh về thấy mất hút vợ, biết có sự chẳng lành. Nghe nói vợ đã tự trầm thì rất hối hận, vội chạy ra sông. Nhưng dòng nước chảy xiết mò đến tối ngày cũng không tìm thấy xác. Tối lại, thằng bé khóc. Trương sinh thắp đèn dỗ cho nó nín. Chợt thằng bé kêu lên:

- Ồ, bố Đản đã đến kia kìa!

- Đâu con?

Nó trỏ vào bóng chàng trên vách mà nói: - "Đấy! Đấy!". Nhớ lại lời con nói khi đi thăm mộ, Trương sinh mới hiểu ra nông nỗi. Chàng nhận ra nỗi oan tày trời của vợ chỉ vì lòng ghen tuông nóng nảy của mình.

Nhưng đã muộn mất rồi, còn làm gì được nữa. Chàng chỉ còn biết ngày ngày ẵm con nhìn xuống dòng sông mà khóc.

Từ đó chàng ở vậy nuôi con không lấy vợ khác.

Về sau người ta dựng ở bến Hoàng-giang một cái miếu thờ nàng Vũ Thị Thiết, quen gọi là miếu Vợ chồng Trương

(Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam)

Thực hiện yêu cầu

Em hãy viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy thi so sánh và phân tích nỗi oan và phẩm chất của hai nhân vật Thị Kính (đoạn trích Nỗi oan hại chồng) và nhân vật Vũ Thị Thiết (truyện Vợ chàng Trương). Từ đó, nhận xét về phẩm chất tốt đẹp và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	A	0.5

	2	B	0.5
	3	C	0.5
	4	A	0.5
	5	A	0.5
	6	D	0.5
	7	A	0.5
	8	- HS liệt kê được một số lời thoại của Sùng bà: + Mày cứ thú với bà, bà cũng thứ đi cho. Can chi phải dụng tình bất trắc. Mày ngửa mặt lên cho bà xem nào + Ôi chao ơi là mặt! Chém bỏ băm vằm sả sích mặt! Gái say trai lập chí giết chồng! + Hãy còn oan à? (với Thiện Sĩ) Đi! Đi vào! + Không biết gọi Mãng ông sang đây mà giao giả con Thị Kính kia đi. Để như vậy con mình có ngày chết oan vì nó đấy. Thôi ông đi đi! - Nhận xét lời thoại của Sùng Bà: Đầy cay nghiệt, luôn đổ lỗi, chỉ trích, không lắng nghe Thị Kính giải thích mà buộc tội và gán cho nàng án oan → Số phận của người phụ nữ không được nói lên tiếng nói để bảo vệ danh dự và phẩm giá của mình	1.0
	9	HS có thể trả lời bằng suy nghĩ và cảm nhận của bản thân - Nhân vật Thiện Sĩ không xuất hiện hay có lời thanh minh cho vợ mình để tô đậm sự thiệt thòi của Thị Kính, không được chồng thấu hiểu, chia sẻ và che chở	0.5

<table>
<tr><td></td><td></td><td>- Thiện Sĩ nghe lời mẹ và cũng tự cho mình quyền gán nỗi oan hại chồng cho Thị Kính</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>10</td><td>- Vẻ đẹp phẩm chất: Yêu thương, thủy chung quan tâm chồng, hết lòng vì gia đình nhà chồng
- Số phận: Chịu nỗi oan ô nhục, bị trả về cha mẹ đẻ, không thể cất lên tiếng minh oan cho bản thân.</td><td>1.0</td></tr>
<tr><td>II</td><td></td><td>VIẾT</td><td>4.0</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>a. Đảm bảo cấu trúc bài phân tích đánh giá, so sánh tác phẩm (hai nhân vật trong hai tác phẩm)</td><td>0.25</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Số phận và phẩm chất của hai nhân vật Vũ Thị Thiết và Thị Kính</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>c. Triển khai vấn đề
HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo cấu trúc bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề truyền thống theo mẫu
- Sau đây một số gợi ý
1. Giới thiệu về hai tác phẩm và hai nhân vật chính
2. So sánh hai nhân vật
* Tương đồng:
+ Người phụ nữ đức hạnh, chịu thương, chịu khó, hết lòng yêu thương chồng
+ Đều chịu cảnh bị mắc án oan mà không thể lên tiếng giải thích và minh oan
* Khác biệt
<table>
<tr><th>Vũ Thị Thiết</th><th>Thị Kính</th></tr>
</table></td><td>2.5</td></tr>
</table>

		- Nỗi oan không giữ tiết hạnh - Gieo mình sống sông Hoàng Giang tự vẫn - Nỗi oan hại chồng - Bị mắng nhiếc và trả về nhà bố mẹ đẻ **3. Đánh giá chung về số phận và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội xưa** + Phẩm chất đẹp đẽ, số phận bi thương + Nguyên nhân: XH phong kiến trọng nam khinh nữ và những định kiến	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

ĐỀ LUYỆN SỐ 5

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NGHÊU, SÒ, ỐC, HẾN

(Trích)

LỚP 5:

TRẦN ỐC: May may mà rủi rủi

Rủi rủi lại may may!

May chân Ốc chạy hay,

Rủi cho Ngao bị bắt

Việc tưởng đà rất ngặt,

Thế ta phải sớm toan

Mau chân Ốc vội vàng,

Cứu thầy Ngao cho được.

(Hạ)

LỚP 6

LÍ HÀ: Trai đinh! Cùm chân nó lại

(Chúng dân cùm, Ngao không cho)

LỮ NGAO: Đứa nào động đến móng chân thầy, thầy đá cho mà chết.

DÂN CHÚNG: Bẩm thầy Lí, nó đá.

LÍ HÀ: Bay lấy dây cột đầu treo lên xà nhà cho tao!

(Chúng dân cùm Ngao...)

LỮ NGAO: Thôi được, thầy cho bay cùm.

LÍ HÀ: Cùm cả hai chân.

LỮ NGAO: Ấy, ấy! Thầy không cho.

TRÙM SÒ: Lấy dùi đục gõ mắt cá chân đi!

LỮ NGAO: Thôi, bay nói hết lời, thầy cho bay cùm hai chân đây.

TRÙM SÒ: Thôi anh em dân canh giữ lấy nó. Gia đình bay! Về ngay! Mời thầy Lí về nhà tôi xơi chén rượu.

(Hạ)

LỚP 7

TRẦN ỐC:

Khuyển bỉ vật bi! Vật bi!

Hữu ngô lai trợ! Lai trợ!

Gian nan hà túc lự?

Khẩn cấp khả đào sanh! [1]

(Quân canh ngủ. Ốc sờ soạng lại chỗ Ngao, Ngao hất Ốc ra.)

LỮ NGAO: A! A! Thầy biết rồi. Thằng Trùm Sò mời thẳng Lí Hà về uống rượu, rồi bàn bạc với nhau, thấy bắt thầy cùm là thất lí, mới cho người ra mở cùm cho thầy, để thầy đi đàng thầy cho trôi. Chớ giải thầy lên quan thì phải tốn kém. Thầy dại gì cho bay mở cùm! Tao nằm đây, con dòi bằng cổ tay tao chưa về... Phen này, Trùm Sò phải hết cửa hết nhà với thầy cho coi! Bay giải thầy lên quan, trước hết phải mua chai rượu làm lễ ra mắt quan. Quan Huyện mới nhận chai rượu đó, mới đưa vào trong cho bà Huyện. Quan mới xử lăng nhăng chỉ chi đó, rồi quan nạt quan nộ, lão Trùm Sò phải lén ngõ sau mua lại chai rượu của bà Huyện, để thưa thưa, bẩm bẩm lần nữa. Vậy là nay khai, mai báo, chai rượu đó cứ luân hồi ngõ trước ngõ sau làm cho Trùm Sò phải hết nhà! Hết nhà! Hà hà... Bay có khôn ra đây, thầy bày cho! Bay sắm khay trầu can rượu với chừng dăm quan tiền thôi, bay qua thưa với mụ thầy là con vợ tao đấy, nói khó với nó một tiếng, nó qua nhận thầy về. Vậy mà chắc chi thầy đã về cho! Em chết rồi, em Sò của thầy ơi! Hà hà...

TRẦN ỐC: (Phải giả tiếng mèo để làm hiệu riêng gọi) Ngao! Ng.ao!

LỮ NGAO: (Đoán biết ám hiệu, cùng theo tiếng mèo đáp lại) Ốc! Ốc!

(Óc đến mở cùm công Ngao thoát chạy. Quân canh thức dậy, hô hoán truy lùng....)

TRẦN ỐC: Lâm nước bí! Lâm nước bí! Khó thoát thân! Khó thoát thân! Quả dân đinh đã đuổi theo gần. Đốt xích hậu [2] mới mong chạy thoát.

(Ốc giấu Ngao một nơi, trở lại đốt xích hậu, chúng dân đổ về chữa cháy. Ốc cũng Ngao chạy thoát.)

LÍ HÀ, TRÙM SÒ: Cùng bọn người nhà

Chỉ thị hoả tại xóm nọ

Một đoàn tới đó,

Ngõ [3] cứu lửa kia!

(Hạ)

(Theo Tổng tập văn học Việt Nam, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

Chú thích:

Tóm tắt vở tuồng: Trộm Ốc nhờ thầy bói Nghêu (hay Ngao) gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái góa trẻ đẹp. Lý trưởng và Trùm Sò đến lục soát bắt được tang vật, liền giải Thị Hến lên trình quan huyện. Khi đến công đường, Thị Hến đã làm cho quan huyện và thầy đề mê mệt vì nhan sắc của mình. Kết quả là Trùm Sò mất tiền, thầy Lý bị đòn, Thị Hến được tha bổng. Kết thúc vở là cảnh cả quan huyện, thầy đề, thầy Lý vì mê mẩn Thị Hến chạm mặt nhau và bị các bà vợ đánh ghen tại nhà Thị Hến.

(1) Khuyên gã chớ buồn! Chớ buồn! Có ta đến giúp! Đến giúp! Gian nan đâu đủ cho ta phải lo? Mau gấp lên có thể chạy thoát.

(2) **Xích hậu**: điếm canh (điếm: nhà nhỏ, thường ở đầu làng, dùng làm nơi canh gác).

(3) **Ngõ** (viết đầy đủ là ngõ hầu): từ biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích mà việc làm vừa nói đến mong sao đạt cho được.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

A. Chèo cổ

B. Chèo sân đình

C. Tuồng đồ

D. Tuồng pho

Câu 2. Văn bản kể lại sự việc gì?

A. Trùm Sò bắt nhầm Ngao giải lên huyện, bị quan Huyện làm cho phải mất hết nhà cửa để theo kiện

B. Ngao bị bắt khi đi ăn trộm cùng Ốc, được Ốc đốt xích hậu giải thoát

C. Ốc và Ngao bị bắt khi đi ăn trộm, bị dân chúng cùm chân để giải lên huyện

D. Ốc bị bắt khi đi ăn trộm cùng Ngao, Ngao đốt xích hậu cứu Ốc

Câu 3. Tiếng cười trong lớp kịch 6 được tạo ra từ điều gì?

A. Hành động dân chúng cùm chân Ngao

B. Lời nói thể hiện quyền uy của Lí Hà

C. Lời nói thể hiện sự "anh hùng rơm" và hành động từng bước nhượng bộ của Ngao

D. Lời bẩm báo của dân chúng về thái độ chống đối việc bị cùm chân của Ngao

Câu 4. Phương án nào nêu đúng về lời thoại của Lữ Ngao trong đoạn trích "A! A!... Hà hà!...".

A. Độc thoại nội tâm

B. Đối thoại với Trần Ốc

C. Đối thoại với Trùm Sò

D. Đối thoại với Lí Hà

Câu 5. Trong lời thoại "A! A!... Hà hà!...", Lữ Ngao nhầm lẫn điều gì?

A. Mình được Lí Hà sai quân canh mở cùm vì phát hiện việc bắt giữ người là "thất lí"

B. Mình bị Trùm Sò giải lên huyện, phải mua chai rượu làm "lễ ra mắt quan"

C. Mình được Trùm Sò mang rượu và dăm quan tiền đến nhà để xin Lữ Ngao bỏ qua việc bị bắt nhầm

D. Mình được Trùm Sò nhờ vợ đến nhận về

Câu 6. Tại sao Ngao cho rằng "Phen này, Trùm Sò phải hết cửa hết nhà với thầy cho coi!"

A. Vì Trùm Sò phải sắm khay trầu, can rượu và mang tiền sang nhà Ngao nói khó để vợ Ngao đến đón chồng về

B. Vì Trùm Sò bắt Ngao giải lên quan Huyện cho nên phải theo hầu việc kiện tụng tốn kém

C. Vì Ngao sẽ kiện Trùm Sò về việc bắt giam người vô cớ

D. Vì Ốc đốt nhà của Trùm Sò

Câu 7. Dòng nào nêu đúng về "đường đi" của chai rượu làm lễ ra mắt quan?

A. Đi ngang về tắt

B. Đưa người cửa trước, rước người cửa sau

C. Vào lỗ hà ra lỗ hổng

D. Tít mù rồi lại vòng quanh

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Trong lớp kịch 7, tiếng cười được thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ của nhân vật Ốc và Ngao?

Câu 9. Qua đoạn trích, tác giả dân gian phản ánh thực trạng gì khi người dân "vào cửa quan"?

Câu 10. *"Vậy là nay khai, mai báo, chai rượu đó cứ luân hồi ngõ trước ngõ sau làm cho Trùm Sò phải hết nhà!"* Theo em, nhân vật Ốc sử dụng từ "luân hồi" trong câu văn trên có được không? Vì sao?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu hai đường chỉ dẫn (link) tài liệu dưới đây về Tuồng

Quét mã QR để truy cập trang web:

https://truongcakichvien.com/the-loai/tuong/	

https:// mega.vietnamplus.vn/ban-ve-tuong-tinh-hoa-nghe-thuat-san-khau-viet-5385.html	

Nhiệm vụ 2. Thực hiện viết đề cương báo cáo nghiên cứu về Tuồng dân gian theo mẫu

PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Tên người thực hiện nghiên cứu .....

Tên đề tài

.....

.....

Tóm tắt

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Từ khóa

.....

.....

.....

.....

.....

I. Mở đầu

Lí do chọn đề tài.

.....

.....

.....

.....

.....

……

……

……

Mục đích nghiên cứu

……

……

……

……

……

Câu hỏi nghiên cứu.

……

……

……

……

Giả thuyết nghiên cứu

……

……

……

……

Các dữ liệu cần thu thập

……

……

……

……

……

……

Phương pháp thu thập dữ liệu

……

……

……

……

……

……

……

II. Phần nội dung chính

1. Cơ sở lí thuyết

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

2. Nội dung chính thứ nhất

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

3. Nội dung chính thứ hai

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

…. Nội dung chính thứ n

III. Kết luận

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	C	0.5
	2	B	0.5
	3	C	0.5
	4	A	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5

	7	D	0.5
	8	- Để chỉ ra những biểu hiện của tiếng cười qua ngôn ngữ của Ốc và Ngao, HS cần đọc kĩ lại lớp kịch 7, xác định xem lời nào là ngôn ngữ của nhân vật nào, lời thoại đó thể hiện tiếng cười ra sao. **Ví dụ**: Lời của Ốc gồm các câu văn chữ Hán mở đầu lớp kịch 7, giả tiếng mèo kêu làm ám hiệu để báo cho Ngao biết, lời nói hốt hoảng và quyết định đốt xích hậu để cõng Ngao chạy thoát sự truy đuổi của dân đinh. Trong văn học, các câu văn, câu thơ chữ Hán thường thể hiện sắc thái trang trọng, cổ kính. Ở văn bản này, nó lại tạo ra sắc thái hài hước. Một tên ăn trộm thường phải lẩn lút, im hơi lặng tiếng, ở đây lại tỏ ra "hay chữ" và "tự tin" "đại ngôn" "có ta đến giúp, đến giúp". Âm thanh giả tiếng mèo kêu cũng tạo ra tiếng cười vì cách "chơi chữ" ("ngao" — từ tượng thanh chỉ tiếng mèo kêu và "Ngao" – tên của nhân vật). Lời thoại của Ốc ở cuối lớp kịch 7 có nhịp điệu nhanh, giàu sức tạo hình, thể hiện thái độ vội vã, hốt hoảng khi biết bị phát hiện và sự ma lanh, nhanh chóng nghĩ ra phương án giải thoát,.. Tương tự như vậy, HS chỉ ra và phân tích lời thoại của Ngao.	1.0
	9	HS có thể trả lời dựa trên các câu hỏi: - Khi lên cửa quan bẩm báo kiện tụng việc đầu tiên họ phải làm là gì? - Hành động của quan Huyện như thế nào? - Hành động của quan bà ra sao? - Lễ vật được "quay vòng" như thế nào? - Kết quả là kẻ bẩm báo tán gia bại sản ra sao?	0.5

	10	- Trong từ điển, từ "luân hồi" có nghĩa là "chết ở kiếp này rồi lại sinh ra ở kiếp khác, cứ quay vòng mãi mãi như vậy, theo quan niệm của đạo Phật". - Nhân vật Ốc sử dụng từ này để miêu tả "chai rượu" làm lễ vào cửa quan của người theo kiện. + Nếu hiểu theo nghĩa gốc thì cách sử dụng như trên là chưa phù hợp, có thể thay bằng từ khác. + Nếu hiểu Ốc sử dụng từ này để cường điệu nhằm mục đích nhấn mạnh, tô đậm những phản ánh về sự thối nát ở chốn cửa quan thì có thể đồng tình với cách sử dụng đó.	1.0
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghiên cứu: Về nghệ thuật Tuồng truyền thống	0.5
		c. Triển khai vấn đề HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo cấu trúc bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề truyền thống theo mẫu *- Sau đây là một số đề tài gợi ý* 1. Những đặc sắc cơ bản của nghệ thuật tuồng 2. Nhân vật tuồng 3. Kịch bản và vở diễn tuồng 4. Một nhân vật thuộc tuồng mà HS quan tâm, muốn tìm hiểu,...	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt	0.5

		sáng tạo, văn phong trôi chảy.	
Tổng điểm			**10.0**